



Mục lục

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

3 VŨ VĂN HIỀN:

Chiến thắng Điện Biên Phủ - thiên sử vàng lịch sử, giá trị thời đại

9 HÀ ĐĂNG:

Đào Duy Tùng - Nhà tư tưởng và lý luận xuất sắc của Đảng ta thời kỳ đầu đổi mới

14 TRẦN QUỐC TOẢN:

Khái quát đổi mới nhận thức lý luận của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

29 ĐOÀN XUÂN THỦY:

Nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực kinh tế

39 BÙI HOÀI SƠN:

Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa và xây dựng thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa

55 NGUYỄN VĂN HÙNG:

Đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh

THÔNG TIN - TƯ LIỆU

71 PV:

Kỳ họp thứ chín Hội đồng Lý luận Trung ương



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ - THIÊN SỬ VÀNG LỊCH SỬ, GIÁ TRỊ THỜI ĐẠI

● GS, TS VŨ VĂN HIỀN

Có những sự kiện lịch sử diễn ra như một tất yếu, như sự sắp đặt của tạo hoá, càng thêm thời gian, càng thấy vị trí và ý nghĩa lịch sử đặc biệt của nó. Chiến thắng Điện Biên Phủ là sự kiện lớn lao như thế. 70 năm đã trôi qua càng cho ta thấy chiến thắng Điện Biên Phủ không chỉ là thiên sử vàng, là mốc son tô thắm lịch sử hào hùng của dân tộc ta, mà còn là một kỳ tích lịch sử mang tầm vóc thời đại.

Trước hết có thể khái quát về chiến thắng Điện Biên Phủ. Điện Biên Phủ nay là thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, cách Hà Nội khoảng 500km. Cuối năm 1953, Pháp tập trung lực lượng để xây dựng một tập đoàn quân sự gồm 49 cứ điểm với binh lực 17 tiểu đoàn bộ binh, 3 tiểu đoàn pháo binh,

cùng các đơn vị công binh, vận tải, không quân, tinh nhuệ. Đây là tập đoàn quân sự mạnh nhất Đông Dương thời đó, cũng là cứ điểm quân sự mạnh nhất của thực dân Pháp tại các nước thuộc địa. Ngày 13/3/1954, quân đội nhân dân Việt Nam tấn công cứ điểm này. Qua 56 ngày đêm chiến đấu vô cùng gian khổ, ác liệt, đến ngày 7/5/1954 quân ta đã tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

1. Thiên sử vàng

Nhà thơ Tố Hữu đã khái quát: “Chín năm làm một Điện Biên, Nên vành hoa đỏ nên thiên sử vàng”. Chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, là một kỳ tích của lịch sử dân tộc ta. Điều đó có thể được nhận rõ qua một số các yếu tố sau:

Một là, sự chuẩn xác trong việc nhận định tình hình thời cuộc “biết người biết ta” của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhận định đánh giá đúng tình hình đã là một nửa của sự thắng lợi. Sự tinh túy nhất và nét đặc trưng nhất trong chỉ đạo chiến lược của Đảng ta là luôn chủ động, luôn giành và giữ quyền chủ động để luôn tiến công. Nắm quyền chủ động là điều kiện quan trọng nhất để thực hiện chiến lược tiến công.

Nói đến kế hoạch chiến lược của địch và chủ động chiến lược của ta trong chiến dịch Đông Xuân 1953 - 1954 cho đến chiến thắng Điện Biên Phủ có hai điểm nổi bật. *Thứ nhất*, kế hoạch Nava là tập trung binh lực, giành thế chủ động và chuẩn bị một trận quyết chiến trên chiến trường do chúng lựa chọn. Ta đã buộc địch phải phân tán lực lượng cơ động chiến lược, phá hoại công cụ chiến lược chủ yếu của chúng. *Thứ hai*, địch không có ý định điều quân lên chiến trường Tây Bắc. Thế nhưng ta đã dùng các biện pháp dụ địch và đã buộc địch phải tập trung quân chủ lực xuống Điện Biên Phủ để biến đây thành cú điểm mạnh nhất quyết chiến với ta. Như vậy, trận

Điện Biên Phủ trước đây không nằm trong kế hoạch của tướng Nava đã trở thành trận quyết chiến lớn nhất của quân đội ta với thực dân Pháp.

Thứ hai, sự tài tình của Đảng ta trong việc nắm bắt và tận dụng thời cơ. Trong chiến tranh, các tình huống biến chuyển mau lẹ, mỗi bước đều che dấu ý đồ và hành động của mình. Vì vậy, chỉ đạo chiến lược phải sát thực tiễn chiến trường, hết sức nhạy bén với các nhân tố nảy sinh để có những đối sách đúng đắn, hiệu quả. Sự chỉ đạo chiến lược của Đảng ta trong chiến dịch Điện Biên Phủ làm cho quân địch đi từ bị động này đến bị động khác, bất ngờ này đến bất ngờ khác. Khi ấy, các tướng tá cấp cao của Pháp, Mỹ nhận định rằng, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là một pháo đài kiên cố, bất khả xâm phạm. Chúng cho rằng nếu tiến công vào Điện Biên Phủ thì chỉ có một kết quả là đi vào con đường tự sát. Rõ ràng là địch quá tự tin, quá kiêu ngạo dẫn đến quá bất ngờ. Bất ngờ đến mức chúng cho rằng ta không đủ sức để đánh Điện Biên Phủ thì ngay sau đó ta mở cuộc tiến công lớn vào mặt trận này. Chúng ảo tưởng rằng ta sẽ bị tổn thất rất lớn thì ngược lại, chúng ta giành toàn thắng.

Thứ ba, sự hoàn hảo của chiến thắng. Chiến thắng Điện Biên Phủ thật ngoạn mục, không thể trọn vẹn hơn. Với quyết định đúng đắn của Trung ương Đảng và Bác Hồ, chủ động và tích cực chuẩn bị mọi điều kiện, quyết tâm cao và phương thức tác chiến hợp lý, sát hợp với tình hình cụ thể, với sức mạnh áp đảo bởi ý chí quật cường và lòng dũng cảm, chúng ta đã giành thắng lợi một cách trọn vẹn. Cuộc tấn công của ta trong trận chiến Điện Biên Phủ như sấm sét, như bão táp và thật hoàn hảo bởi đó là sức mạnh tổng hợp của toàn dân, toàn quân dưới sự lãnh đạo của Đảng hợp thành sức mạnh toàn dân tộc. Quân đội ta từ chỗ mới tiêu diệt được từng tiểu đoàn của địch phòng ngự trong công sự vững chắc và thường là đánh địch trong đêm, đã tiến lên tiêu diệt 21 tiểu đoàn phòng ngự trong một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, với 8 trọng tâm để kháng, 49 cứ điểm. Đây là trận tiêu diệt địch lớn nhất, tiêu biểu nhất, một bước trưởng thành vượt bậc của quân đội ta.

Kỳ tích của Chiến thắng Điện Biên Phủ còn thấy rõ một yếu tố nữa về quân sự. Ông cha ta trước đây từng tiêu diệt quân xâm lược với các chiến thắng lấy

lùng ở Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa... Ở các thời điểm ấy giữa ta và địch cơ bản có cùng một bậc, cùng trình độ về chế độ xã hội và về trang thiết bị, vũ khí quân sự. Ông cha ta chiến thắng kẻ thù bởi truyền thống yêu nước, anh dũng, mưu lược. Mặt trận Điện Biên Phủ lại khác. Khi ấy Pháp đã ở trình độ công nghệ cao lại được sự trợ giúp của Mỹ nên tại Điện Biên Phủ, Pháp đã triển khai hàng chục máy bay, xe tăng và các vũ khí, khí tài hiện đại. Vậy nên chiến thắng của Việt Nam tại Điện Biên Phủ trở thành một chiến công kỳ diệu và là kỳ tích của lịch sử nước nhà. Chiến thắng vĩ đại Điện Biên Phủ đã kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược, buộc đối phương phải ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ, giải phóng nửa nước, đưa miền Bắc trở thành căn cứ địa vững chắc của cách mạng cả nước, tiến tới giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội¹.

2. Giá trị thời đại

Nhân kỷ niệm 10 năm ngày chiến thắng Điện Biên Phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Điện Biên Phủ như là một cái mốc chói lọi bằng vàng về lịch sử. Nó ghi rõ nơi chủ nghĩa thực dân

lăn xuống dốc và tan rã, đồng thời phong trào giải phóng dân tộc trên khắp thế giới đang lên được thắng lợi hoàn toàn”². “Đó là thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta mà cũng là thắng lợi chung của tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới”³.

Khẳng định của Chủ tịch Hồ Chí Minh gợi mở chúng ta nhận thức sâu sắc hơn về tầm vóc thời đại của Chiến thắng Điện Biên Phủ, thể hiện trên mấy khía cạnh:

Thứ nhất, Chiến thắng Điện Biên Phủ “lùng lẫy năm châu chấn động địa cầu” đã được dư luận quốc tế sánh ngang với nhiều trận đánh nổi tiếng lịch sử chiến tranh thế giới như Waterloo (Oa-téc-lô), Borodino (Bô-rô-đi-nô), Stalingrad... Những trận đánh nêu trên đều có những ý nghĩa với các cung bậc khác nhau mang tầm thời đại. Với Điện Biên Phủ, đó không chỉ là chiến thắng oanh liệt của nhân dân Việt Nam kết thúc hoàn toàn sự đô hộ của thực dân Pháp sau gần 100 năm, mà còn là sự khởi đầu cho phong trào giải phóng dân tộc của các nước nhược tiểu chống lại sự đô hộ của chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Điện Biên Phủ ghi đậm một tấm gương, một bài học: Một dân tộc nhỏ yếu có thể

đánh bại một đế quốc hùng mạnh và báo hiệu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ. Dân tộc Việt Nam làm nên Điện Biên Phủ, mở ra kỷ nguyên vùng dậy và khả năng chiến thắng của các dân tộc thuộc địa. Lịch sử giao phó và dân tộc Việt Nam đã hoàn thành xuất sắc một uỷ thác này của lịch sử.

Thứ hai, chiến thắng Điện Biên Phủ góp phần làm thay đổi đời sống chính trị thế giới theo hướng tích cực, đúc rút một số bài học quý giá. Điện Biên Phủ là chiến công vang dội nhất, hào hùng nhất và tiên phong của một dân tộc thuộc địa, đánh thắng quân đội hiện đại của một cường quốc đế quốc phương Tây. Đây cũng là trận thắng đầu tiên, vang dội nhất, điển hình nhất trong lịch sử đấu tranh của các dân tộc bị áp bức chống lại quân xâm lược nước ngoài, mở đầu một thời kỳ thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc và sự sụp đổ không tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ trên toàn thế giới. Chiến thắng Điện Biên Phủ chặt đứt mắt khâu quan trọng của xiềng xích thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ, góp động lực cho các dân tộc bị áp bức vùng lên và các thế lực đế quốc phải chùn bước để trao trả độc lập cho các nước thuộc địa.

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã đem đến những bài học quý giá cho nhân loại. Đó là bài học về sức mạnh vô song của một dân tộc đoàn kết chiến đấu giành độc lập cho dân tộc, tự do cho mọi người. “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, mãi mãi là ngọn cờ hiệu triệu, là sức mạnh vô cùng to lớn, không chỉ đối với dân tộc Việt Nam mà còn đối với các dân tộc khác trên thế giới. Đó là bài học về tự lực, tự cường, độc lập tự chủ, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại. Đó là đường lối chính trị mang tính cách mạng và khoa học, năng động và sáng suốt, luôn bám sát thực tiễn, phát hiện quy luật, hành động hợp quy luật với các biện pháp sáng tạo, kiên quyết thực hiện mục tiêu đến cùng.

Thứ ba, những nhân tố làm nên lịch sử. Chiến thắng Điện Biên Phủ là một câu chuyện thần kỳ. Bí quyết làm nên câu chuyện ấy là đường lối đúng đắn, độc lập tự chủ và sáng tạo của Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, là sự gắn bó hữu cơ giữa sự lãnh đạo của Đảng với tinh thần quyết chiến quyết thắng và trí thông minh, sáng tạo của quân đội và của nhân dân cả nước, là sức mạnh của truyền thống đoàn kết đấu tranh anh dũng bất khuất

của dân tộc, là sự phát triển ngày càng hiện thực nghệ thuật quân sự Việt Nam kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, hòa bình và hữu nghị là lẽ sống của nhân dân Việt Nam.

Khi nói đến Chiến thắng Điện Biên Phủ không ai quên sự ngợi ca và tôn vinh Đại tướng Võ Nguyên Giáp - “Người anh cả” của Quân đội nhân dân Việt Nam. Ngay sau Chiến thắng Điện Biên Phủ, nhà thơ Tố Hữu đã viết “...Hoan hô chiến sĩ Điện Biên, Hoan hô đồng chí Võ Nguyên Giáp”. Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhận được sự tôn kính đặc biệt không chỉ ở Việt Nam, là vị “Đại tướng trong lòng dân”; mà còn được tôn vinh ở khắp nơi trên thế giới. Số liệu thống kê chưa hết nhưng đã xác định có hàng trăm tác phẩm sách, báo trên khắp các châu lục viết về Đại tướng Võ Nguyên Giáp; và nữa, có những cuốn từ điển ở Anh, Mỹ, Nga và nhiều nước ghi danh Tướng Giáp. Hầu như trong tất cả các tác phẩm văn hóa đó đều đánh giá Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một trong những vị tướng kiệt xuất của mọi thời đại. Trong cuốn sách “Từ cuộc chiến chống CIA đến người tù của Khmer đỏ”, Nxb Công an Nhân dân, 2003, Quốc

vương Norodom Sihanouk viết: “Tướng Võ Nguyên Giáp là một nhà chiến lược vĩ đại trong mọi thời đại”. Trong cuốn sách “Các vị tướng lừng danh” của Tai-xon, xuất bản tại Luân Đôn năm 1975, Tai-xon kết luận: “25 thế kỷ sản sinh 21 vị tướng vĩ đại, mỗi vị chỉ huy một trận đánh vĩ đại. Võ Nguyên Giáp với Điện Biên Phủ là một trong 21 vị tướng vĩ đại ấy”. Nhà sử học quân sự Mỹ Cecil B. Currey trong tác phẩm “Võ Nguyên Giáp - một trong những vị tướng tài nhất của thế kỷ XX”, đã viết: Giáp là vị tướng duy nhất trong lịch sử hiện đại tiến hành chiến đấu chống kẻ thù từ thế vô cùng yếu, thiếu trang bị, thiếu nguồn tài chính, từ bước đầu mà trong tay chưa có quân, vậy mà vẫn liên tiếp đánh bại toàn quân của đế chế Nhật Bản, quân đội Pháp (đế chế thực dân số 2) và Mỹ (siêu cường thế giới).

Peter Macdonald, đại tướng nước Anh, nhà nghiên cứu lịch sử đã xuất bản cuốn sách nhan đề “Võ Nguyên Giáp - Một sự đánh giá”, trong đó viết: “Những người làm thay đổi lịch sử rất hiếm... Đối với toàn thế giới, chính Võ

Nguyên Giáp là vị tướng đã chỉ huy một quân đội thô sơ chiến thắng hai cường quốc phương tây”. Cũng trong cuốn sách này, tác giả Macdonald dẫn lời tướng Mỹ Otmoolai: Bao nhiêu những đức tính làm nên một vị tướng vĩ đại như sự quyết đoán, năng lực tư duy, năng lực tập hợp và một sự sáng suốt. Tất cả những điều đó, Tướng Giáp có cả. Võ Nguyên Giáp là một con người cương nghị, một vị Tướng vĩ đại”.

Chiến thắng Điện Biên Phủ là một trang vàng truyền thống của lịch sử Việt Nam in sâu vào ký ức của thế hệ hôm nay và mãi mãi về sau. Từ thắng lợi của Điện Biên Phủ, chúng ta đã bước tiếp những chặng đường cách mạng, làm nên những chiến công oanh liệt, vang dội, đánh thắng cả chủ nghĩa thực dân cũ và chủ nghĩa thực dân mới, để có một Việt Nam thống nhất đi lên Chủ nghĩa xã hội, một Việt Nam đổi mới vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, vinh minh. Có tiềm lực và cơ đồ ngày càng to lớn hiện nay, chúng ta càng thấy ý nghĩa trọng đại và tầm vóc lớn lao của chiến thắng Điện Biên Phủ ■

^{1,2} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.14, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.315, 230.

ĐÀO DUY TÙNG - NHÀ TƯ TƯỞNG VÀ LÝ LUẬN XUẤT SẮC CỦA ĐẢNG TA THỜI KỲ ĐẦU ĐỔI MỚI

● HÀ ĐĂNG

Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng,

Nguyên Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương

Tôi không nghĩ mình đã quá lời khi nói Đào Duy Tùng là Nhà tư tưởng và lý luận xuất sắc của Đảng.

Sự thật này được chứng minh, không phải bằng toàn bộ thành tựu trong hơn nửa thế kỷ hoạt động cách mạng của Anh (từ 1945 đến 1998), trong đó có hơn bốn mươi năm trực tiếp làm công tác tuyên giáo (từ 1955 trở đi), mà chủ yếu bằng những đóng góp đặc biệt xuất sắc của anh vào lĩnh vực tư tưởng và lý luận của Đảng thời kỳ đầu đổi mới.

Đồng chí Đào Duy Tùng là Tổng Biên tập Tạp chí Học tập, nay là Tạp chí Cộng Sản, suốt 17 năm từ 1965 đến 1982. Cũng thời gian đó, anh giữ chức Phó Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương.

Cho nên nói đến Đào Duy Tùng, người ta thường nghĩ về một người

làm công tác tư tưởng hơn là một nhà báo. Sự thật, anh đi vào công tác báo chí rất sâu. Tác phẩm báo chí của anh chủ yếu là những bài chính luận, có ký tên hoặc không ký tên. Nét nổi bật là những bài báo ấy đều chứa đựng nội dung sâu sắc, lập luận chặt chẽ, văn phong trong sáng, rõ ràng. Anh ghét lối viết khoa trương, hào nhoáng mà không có nội dung thiết thực.

Theo anh, cán bộ biên tập Tạp chí lý luận và chính trị của Đảng không thể chỉ nắm vững những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin mà còn phải biết vận dụng các lý luận đó; không những phải nắm vững đường lối, chính sách, quan điểm của Đảng mà còn phải hiểu rõ cơ sở lý luận, cơ sở khoa học của đường lối, chính sách, quan điểm. Có thể, khi viết và biên tập bài mới có sự sáng tạo, tránh

được lối viết sách vở làm cho người đọc nhàm chán.

Kết hợp chặt chẽ lý luận với thực tế; ủng hộ cái mới; ủng hộ lớp cán bộ trẻ năng động, sáng tạo; đó là những chủ trương đậm dấu ấn người lãnh đạo Tạp chí thời kỳ anh làm Tổng Biên tập. Từ bài xã luận “Đẩy mạnh công tác lý luận của Đảng” (Tạp chí số 9-1966) đến bài “Bàn về ba lợi ích kinh tế” (Tạp chí số 3-1982) mà anh là tác giả, anh còn tự viết hoặc chỉ đạo viết hàng loạt bài nghiên cứu lý luận và thực tiễn, những bài điều tra, khảo sát thực tế có tầm cỡ đăng trên Tạp chí.

Có thể nói, Đào Duy Tùng là một nhà báo thực thụ. Dấu sao công tác bao trùm nhất, xuyên suốt nhất cuộc đời anh vẫn là công tác tư tưởng - lý luận. Anh làm công tác đó trước, trong và cả sau khi làm Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản. Dù ở cương vị công tác nào - Viện trưởng Viện

nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, Ủy viên Bộ Chính trị và Bí thư Trung ương Đảng phụ trách công tác tư tưởng - văn hóa và khoa giáo hoặc sau này là Thường trực Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa VII), anh đều tỏ rõ là một chiến sĩ xông xáo, một người chỉ huy tài năng của mặt trận tư tưởng - lý luận.

Dù ở cương vị công tác nào - Viện trưởng Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, Ủy viên Bộ Chính trị và Bí thư Trung ương Đảng phụ trách công tác tư tưởng - văn hóa và khoa giáo hoặc sau này là Thường trực Bộ Chính trị và Ban Bí thư (khóa VII), đồng chí Đào Duy Tùng đều tỏ rõ là một chiến sĩ xông xáo, một người chỉ huy tài năng của mặt trận tư tưởng - lý luận.

Điều đáng nói là lý luận của anh không phải sao chép từ các tác phẩm kinh điển, mặc dù anh là một trong những người đọc nhiều các tác phẩm đó. Anh kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin nhưng phê phán thái độ giáo điều trong nghiên cứu. Đối với anh, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin đồng nghĩa với sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa đó.

Làm công tác lý luận, phải từ thực tiễn cuộc sống, rà soát lại các quan điểm lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, khẳng định lại những gì là đúng đắn, khoa học, trước đúng và nay vẫn

đúng; những gì trước đúng giờ phải bỏ sung; những gì trước đúng nay thực tiễn đã vượt qua và những gì thực tiễn đã và đang diễn ra nhưng Mác - Lênin chưa đề cập, nay Đảng phải phát triển một cách sáng tạo để chỉ đạo cách mạng Việt Nam.

Từ tổng kết thực tiễn, anh đã viết nhiều cuốn sách có giá trị lý luận sâu sắc như “Bản chất cách mạng và khoa học của Đảng ta”, “Một số vấn đề công tác tư tưởng của Đảng”, “Sự lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực kinh tế”... Anh cho rằng việc Đại hội VII của Đảng khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam là một thành tựu mới về tư duy của Đảng.

Chuẩn bị Đại hội VIII của Đảng, anh viết cuốn “Quá trình hình thành con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, góp một tiếng nói quan trọng vào việc tổng kết thực tiễn mười năm đổi mới.

Đồng chí Đào Duy Tùng, do đó, thường bị đặt trong tầm ngắm của những người không ưa thích chủ nghĩa xã hội. Báo chí phương Tây, với trí

tưởng tượng của mình, đã nhào nặn Ban lãnh đạo Đảng ta thành dạng hình một tổ chức nhiều phe phái: bảo thủ, ôn hòa, cải cách... Và họ xếp anh vào loại bảo thủ.

Vậy thế nào là bảo thủ? Nếu coi việc kiên trì bảo vệ những truyền thống tốt đẹp, những nguyên tắc bền vững của Đảng ta là bảo thủ, thì không phải chỉ có anh mà tất cả chúng ta, những người tuyệt đối trung thành với Đảng, với cách mạng đều là “bảo thủ”. Còn nếu như bảo thủ là níu giữ những gì đã lạc hậu, đã lỗi thời, kìm hãm sự phát triển của cách mạng thì rõ ràng anh không dính dáng gì đến cái “danh xưng” ấy.

Anh là con người của đổi mới. Anh ủng hộ ngay từ đầu những nhân tố đổi mới khi chúng còn đang manh nha. Ủng hộ “khoán 100” trước đây và ủng hộ “khoán 10” sau này. Ủng hộ quan điểm nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật và nói rõ sự thật khi chuẩn bị văn kiện Đại hội VI.

Là thành viên của Tổ biên tập Báo cáo chính trị mà anh là Tổ phó, tôi không quên những cuộc thảo luận gay gắt lúc đó. Cái khó của Tổ biên tập không phải là viết như thế nào mà là

viết về cái gì và “cái gì” đó được nhận thức ra sao? Không thể đánh giá đúng tình hình kinh tế, xã hội nguy nan lúc đó cũng như những nguyên nhân của nó nếu không nhìn thẳng vào sự lãnh đạo của Đảng trên ba mặt: bố trí cơ cấu kinh tế (cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư); tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và công thương nghiệp; thực thi cơ chế quản lý (kế hoạch hóa tập trung, bao cấp hay kế hoạch hóa kết hợp với thị trường).

Đồng chí Đào Duy Tùng đã cùng Tổ biên tập chuẩn bị văn bản kiến nghị với Tiểu ban Văn kiện trình Bộ Chính trị thảo luận và có kết luận dứt khoát về ba vấn đề đó. Và như chúng ta đã biết, “Kết luận của Bộ Chính trị Trung ương khóa V (ngày 20-9-1986) về một số vấn đề thuộc quan điểm kinh tế”, sau này vẫn quen gọi là Kết luận về ba quan điểm (đổi mới) đã thực sự mở một khâu đột phá cho việc sửa chữa bản dự thảo Báo cáo chính trị để Trung ương thông qua trình Đại hội.

Sau Đại hội VI, trong cương vị Ủy viên dự khuyết rồi Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương, lại được giao nhiệm vụ Thường trực Ban soạn thảo Cương lĩnh chính trị và Chiến lược kinh tế xã

hội trình Đại hội VII, đồng chí Đào Duy Tùng đã góp phần tích cực của mình vào việc xây dựng những văn kiện trọng yếu đó của Đảng, và một lần nữa tỏ rõ là con người của đổi mới.

Báo cáo chính trị tại Đại hội VII của Đảng đã nêu lên những bài học chủ yếu, trong đó bài học đầu tiên là: “Giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới; nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”.

Nội dung của bài học là: “Xác định rõ đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là quan niệm đúng đắn hơn về chủ nghĩa xã hội và thực hiện mục tiêu ấy bằng những hình thức, bước đi và biện pháp phù hợp. Kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt, sáng tạo trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới”.

Bài học đó còn nêu rõ: “Đổi mới phải được thực hiện trên cơ sở bảo vệ, kế thừa và phát huy truyền thống quý báu của dân tộc và những thành tựu cách mạng đã đạt được. Phê phán nghiêm túc sai lầm, khuyết điểm phải

đi đôi với khẳng định những việc làm đúng, không phủ nhận sạch trơn quá khứ, không hoang mang, mất phương hướng, từ thái cực này chuyển sang thái cực khác”.

Tôi ghi lại bài học này, không có ý đề cao những đóng góp của anh vào việc đúc kết những bài học mà là để qua đó mỗi chúng ta có thể phân biệt được thế nào là đổi mới, thế nào là bảo thủ.

Cùng làm việc với đồng chí Đào Duy Tùng nhiều năm, tôi cảm nhận ở anh một con người trung thực, khiêm tốn, làm việc hết mình và sống bình dị, nghĩa tình, dễ gần, dễ bộc bạch với nhau những điều suy nghĩ riêng tư. Anh biết lắng nghe ý kiến của người khác, không phân biệt tuổi tác, thân sơ, cùng chính kiến hay khác chính kiến, miễn là những ý kiến đó chứa đựng cái mới, cái hay, trong tinh thần xây dựng.

Để minh chứng, tôi xin dẫn lại lời anh: “Trong quá trình hình thành các quan niệm mới, phải phát hiện được các vấn đề quan trọng có những nhận thức không thống nhất, thẳng thắn vạch ra các quan điểm khác nhau, nêu một cách khách quan lập luận của mỗi quan điểm để thảo luận. Trong sinh hoạt của một cấp ủy, một tập thể cán

bộ lý luận, v.v... phải phát huy tự do tư tưởng, thảo luận dân chủ, nói thẳng, nói thật, không định kiến. Phải lắng nghe những ý kiến khác mình. Ngay những ý kiến cho là sai cũng gợi ý cho mình nhiều suy nghĩ, hoặc ngay những ý kiến mình cho là không đúng cũng cần bình tĩnh xem có nhân tố gì hợp lý. Đó là sinh hoạt bình thường trong Đảng. Nhưng mặt khác, phải thấy rõ chúng ta đứng trước tình hình là các thế lực thù địch, cơ hội chủ nghĩa trong nước và ngoài nước đang tiến công về tư tưởng, lý luận, nhằm làm cho ta đi chệch khỏi con đường đã lựa chọn. Cho nên trong quá trình bảo đảm sinh hoạt tư tưởng, lý luận theo nguyên tắc của Đảng, không thể buông lỏng cuộc đấu tranh chống lại những quan điểm thù địch, cơ hội”.

Đây là đoạn viết cuối cùng trong tác phẩm lý luận cuối cùng của đồng chí Đào Duy Tùng “Quá trình hình thành con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

Phải chăng đây cũng là lời nhắn gửi cuối cùng của đồng chí với những người làm công tác tư tưởng - lý luận của Đảng chúng ta hiện nay? ■

KHÁI QUÁT ĐỔI MỚI NHẬN THỨC LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

● PGS, TS TRẦN QUỐC TOẢN

Lý luận của Đảng về đường lối đổi mới được hình thành và không ngừng được bổ sung, hoàn thiện trong suốt quá trình Đổi mới. Lý luận đó được hình thành trên nền tảng của tổng kết thực tiễn và đổi mới tư duy - đổi mới nhận thức về mục tiêu và con đường phát triển đất nước trải qua các chặng đường lịch sử xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước. Xét trên bình diện khái quát cao nhất, lý luận về đường lối đổi mới của Đảng được thể hiện cô đọng, mang tính nền tảng cốt lõi là ở *đổi mới nhận thức về chủ nghĩa xã hội và “con đường” đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta qua 40 năm Đổi mới.*

1. Khái quát nhận thức lý luận của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trước Đổi mới (trước Đại hội VI - 1986)

Trong thời kỳ trước Đổi mới, nằm trong bối cảnh chung của “phe” XHCN và bối cảnh quốc tế, cũng như điều kiện cụ thể của đất nước, nhận thức lý luận chung của Đảng ta về CNXH và con đường đi lên CNXH về cơ bản giống như của các nước XHCN khác; những mục tiêu xây dựng CNXH, phương thức và “con đường” xây dựng CNXH trở thành những nguyên tắc chung cho tất cả phe XHCN, “dường như” không có gì phải bàn, chỉ có khác nhau ở các bước đi cụ thể trong mỗi nước. Chủ nghĩa xã hội được nhận thức là *xã hội không còn chế độ bóc lột người (xóa bỏ giai cấp bóc lột); trên nền tảng thiết lập chế độ sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể chiếm tỷ trọng tuyệt đối gắn với hai thành phần kinh tế chủ đạo là quốc doanh và tập thể; với cơ chế vận hành là*

kế hoạch hóa tập trung hành chính bao cấp (kỳ thị và đối lập với sản xuất hàng hóa, cơ chế thị trường - coi đó là đặc trưng bản chất của chủ nghĩa tư bản).

Đảng ta, mặc dù đã có lúc nhấn mạnh: Đặc điểm to nhất của nước ta là đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, thuộc địa, nửa phong kiến...; nhưng vẫn xác định: “cách mạng nước ta có thể bỏ qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản, *tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa* (theo những quan điểm, mục tiêu, giải pháp chung của phe xã hội chủ nghĩa xã hội khi đó). Điều này không chỉ được “áp dụng” để xây dựng CNXH ở miền Bắc trước năm 1975, mà còn được “áp dụng” để đưa cả nước tiến lên CNXH sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1975). Đại hội IV của Đảng (tháng 12-1976) đã quyết định đưa ***cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội***, đề ra đường lối cách mạng toàn diện cho thời kỳ lịch sử này, xác định ***“trong vòng ba, bốn kế hoạch 5 năm là hoàn thành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội”***.

Nhưng bắt đầu từ cuối những năm 1970 của thế kỷ trước, phe XHCN rơi

vào suy thoái, khủng hoảng, rồi đi đến đổ vỡ năm 1991 (Liên Xô và các nước Đông Âu), các nước XHCN còn lại đứng trước thách thức to lớn phải đổi mới, cải cách, mà trước hết là đổi mới nhận thức về mô hình, mục tiêu và “con đường phát triển”. Ở Việt Nam, cùng với những tác động to lớn của bối cảnh quốc tế khi đó, Việt Nam còn phải chịu tác động nghiêm trọng của các cuộc chiến tranh xâm lược kéo dài nhiều năm, đất nước bị tàn phá, lại bị bao vây cấm vận hàng chục năm. Nhưng về mặt chủ quan, nhìn tổng thể, nhận thức lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội đã bộc lộ những khuyết điểm và hạn chế nghiêm trọng trên nhiều mặt, nhất là về đường lối, chủ trương, chính sách và cơ chế quản lý kinh tế. Bệnh giáo điều, chủ quan, duy ý chí, nóng vội, làm trái quy luật khách quan, quan liêu, không phù hợp với thực tiễn đất nước...; như trong Báo cáo chính trị tại Đại hội VI của Đảng đã chỉ rõ “trong mười năm qua, đã phạm nhiều sai lầm trong việc xác định mục tiêu và bước đi về xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, cải tạo xã hội chủ nghĩa và quản lý kinh tế”. Đó là nguyên nhân chủ yếu dẫn tới tình

trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội của đất nước từ năm 1979; và cũng là những nguyên nhân khách quan, chủ quan đưa đến đường lối Đổi mới toàn diện đất nước của Đảng năm 1986.

Tính bức thiết và tầm quan trọng của công cuộc đổi mới đất nước, được nêu khái quát ở Báo cáo Chính trị của Ban chấp hành Trung ương tại Đại hội VI của Đảng với khẩu hiệu **“Đổi mới hay là chết”**. Đồng thời, Đại hội VI của Đảng xác định khâu đột phá đầu tiên là **“phải nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”**, để **“đẩy mạnh đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế”**.

2. Bước chuyển (đổi mới) căn bản nhận thức của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

2.1. Đổi mới nhận thức về chủ nghĩa xã hội

Với phương pháp luận rất cách mạng và biện chứng **“phải nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”**, công cuộc Đổi mới toàn diện đất nước do Đảng khởi xướng (1986), đã đưa đến những nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội và “con đường” đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Dù vẫn nhất

quán với nhận thức về mục tiêu bao trùm: “Chủ nghĩa xã hội là sự giải phóng triệt để con người khỏi mọi áp bức, bất công, tạo dựng một xã hội thật sự dân chủ, tự do vì hạnh phúc của nhân dân, của con người”, “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu, nước mạnh”; “nhân dân được tự do, ấm no, sung sướng, hạnh phúc, có nhà ở, được học hành, ốm đau được chữa bệnh, già yếu được chăm sóc” (Hồ Chí Minh); nhưng nhận thức về những nội dung cơ bản và phương thức thực hiện đã có đổi mới mang tính bản chất, được thể hiện ở những “bước chuyển” rất quan trọng, có thể khái quát như sau:

- Về thể chế chính trị: chuyển từ thể chế chuyên chính vô sản sang thể chế dân chủ pháp quyền;

- Về hệ thống chính trị: chuyển từ hệ thống chuyên chính vô sản (với chức năng trọng yếu là thực hiện chuyên chính của gia cấp vô sản) sang hệ thống chính trị với chức năng trọng yếu là thực hiện quyền làm chủ của nhân dân và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa;

- Về sự lãnh đạo của Đảng: chuyển từ Đảng lãnh đạo xây dựng hệ thống chuyên chính vô sản, sang Đảng là hạt

nhân lãnh đạo chính trị của hệ thống chính trị, Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội;

- Về Nhà nước: chuyển từ xây dựng nhà nước chuyên chính vô sản, sang xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa;

- Về thể chế Kinh tế: chuyển từ thể chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu hành chính bao cấp phi thị trường (không dung hợp với kinh tế thị trường, cơ chế thị trường), sang phát triển kinh tế thị trường, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; coi đó là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Về thể chế xã hội: chuyển từ chủ nghĩa tập thể - làm chủ tập thể, sang đề cao quyền con người, quyền công dân, quyền tự do dân chủ, gắn liền với phát huy đại đoàn kết, hòa hợp dân tộc, sức mạnh cộng đồng.

- Về quan hệ quốc tế: chuyển từ cách tiếp cận “hai phe - 4 mâu thuẫn”, đối đầu về tư tưởng, chính trị, quân sự, ngoại giao (trước đây, khi còn phe chủ nghĩa xã hội và phe tư chủ nghĩa), sang “gắn” với dòng chảy phát triển chung của nhân loại, hội nhập quốc tế, “sẵn

sàng làm bạn, đối tác tin cậy, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”, cùng hợp tác - đấu tranh xây dựng các giá trị tốt đẹp chung của nhân loại, thực hiện phương châm “kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại” trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đổi mới nhận thức về xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng được thể hiện khái quát nhất trong Cương lĩnh 1991 và Cương lĩnh 2011 của Đảng. Trong đó, nhận thức về xã hội xã hội chủ nghĩa, với tính cách là mục tiêu phát triển của đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, được Đảng ta nêu khái quát trong Cương lĩnh 1991, đó là một xã hội:

- Do nhân dân lao động làm chủ.

- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.

- Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.

- Các dân tộc trong nước bình

đảng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Sau đó, qua 10 năm Đổi mới, từ nghiên cứu lý luận gắn với tổng kết thực tiễn, năm 2011 Đảng ta đã sửa đổi, bổ sung Cương lĩnh 1991 (gọi tắt là Cương lĩnh 2011), trong đó nêu rõ hơn, nhận thức về xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, đó là một xã hội:

- Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;

- Do nhân dân làm chủ;

- Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp;

- Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;

- Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện;

- Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển;

- Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo;

- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Những nội dung mới trong nhận thức về “xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng” được nêu trong Cương lĩnh 2011, so với Cương lĩnh 1991 là:

- Bổ sung và đưa mục tiêu “*Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*” lên đầu tiên, vừa thể hiện mục tiêu bao trùm, cao nhất của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đồng thời những mục tiêu đó cũng chứa đựng những giá trị phát triển chung của nhân loại.

- Việc khẳng định “Do nhân dân làm chủ” (không nêu nhân dân lao động làm chủ như trong Cương lĩnh 1991), thể hiện rõ hơn tư tưởng của Hồ Chí Minh về nhân dân, về “Dân là chủ và Dân làm chủ” quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước.

- Việc xác định xây dựng “*một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp*”, mà không đề cập xây dựng ngay “chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu” (như trong Cương lĩnh 1991), là phù hợp cả về lý

luận và thực tiễn trong cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Bổ sung nội dung “Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo”, thể hiện vai trò quan trọng trung tâm của việc xây dựng nhà nước pháp quyền và vai trò lãnh đạo chính trị tiên phong của Đảng đối với nhà nước và xã hội trong quá trình phát triển theo định hướng XHCN.

Cương lĩnh 2011 của Đảng cũng đã xác định mục tiêu “Từ nay đến giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”; điều này tiếp tục được khẳng định trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng (2021): *Đến năm 2030*, là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; *đến năm 2045*, trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Tám nội dung lớn nêu trong Cương lĩnh 2011 của Đảng thể hiện nhận thức khái quát về “xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng” vẫn được giữ nguyên cho đến nay (mặc dù một số nội dung cụ thể được bổ sung, làm rõ hơn

trong Văn kiện các Đại hội XII, XIII và các Nghị quyết của Trung ương).

2.2. *Đổi mới nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội*

Cùng với đổi mới nhận thức về chủ nghĩa xã hội, nhận thức về “con đường đi lên chủ nghĩa xã hội” cũng được đổi mới. Nhận thức về “con đường” đi lên chủ nghĩa xã hội được hàm ý là *nhận thức về phương thức và bước đi thực hiện quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta*. Mặc dù nhận thức chung phải được nhất quán là: “đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ là từ một nước nông nghiệp lạc hậu *tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa*” (Hồ Chí Minh), rằng, do đó “chủ nghĩa xã hội không thể làm mau được mà phải làm dần dần”, “tiến lên chủ nghĩa xã hội, không thể một sớm một chiều”, rằng “phải qua các bước trung gian, quá độ”. Tuy nhiên, trong thực tiễn trước đổi mới, nhận thức về phương thức và bước đi thực hiện quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta lại thiên về nhận thức và thực hiện quá trình “*quá độ trực tiếp*”, “thuần khiết”; có nghĩa là đi vào xây dựng các giá trị của xã hội xã hội chủ

nghĩa thuần khiết, theo chủ trương “*tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội*”, không qua các bước trung gian, quá độ. Trong quá trình đổi mới, Đảng đã từng bước đổi mới nhận thức về “con đường đi lên chủ nghĩa xã hội”, thể hiện trên một số phương diện chủ yếu sau:

(i) - Nhận thức ngày càng rõ hơn những vấn đề cơ bản của thời kỳ quá độ lâu dài lên chủ nghĩa xã hội; rằng không thể trực tiếp xây dựng ngay các giá trị thuần khiết xã hội chủ nghĩa (trên cơ sở của chính nó, như Mác đã nói). Do đó, ***việc xác định đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội có ý nghĩa rất quan trọng cả về lý luận và thực tiễn đối với nước ta, vì điều đó phù hợp với bản chất và quá trình phát triển đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*** (để không rơi vào duy ý chí, giáo điều).

(ii) Chuyển từ xây dựng chế độ sở hữu “thuần khiết” XHCN (gồm sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể), sang chế độ đa sở hữu.

(iii) Chuyển từ xây dựng nền kinh tế XHCN với hai lực lượng chủ đạo là quốc doanh và tập thể, sang phát triển nền

kinh tế thị trường định hướng XHCN đa thành phần (với vai trò ngày càng tăng của lực lượng kinh tế tư nhân).

(iv) Chuyển từ chế độ phân phối chủ yếu theo lao động (trong hệ thống quốc doanh và tập thể), sang chế độ phân phối đa dạng (phân phối theo lao động, phân phối theo nguồn vốn đầu tư và kết quả sản xuất kinh doanh, theo hệ thống an sinh xã hội - phúc lợi xã hội...).

(v) Nhận thức rõ hơn yêu cầu khách quan của quá trình hội nhập sâu rộng, toàn diện với thế giới, nhất là với các nước phát triển; rằng Việt Nam có thể và cần thiết phải tiếp thu sáng tạo những giá trị phát triển của nhân loại, nhất là của những nước tiên tiến, về phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, về xã hội hóa nền sản xuất, về phát triển khoa học - công nghệ, về phát triển giáo dục - đào tạo và phát triển con người, về phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội...

(vi) Nhận thức rõ hơn về xây dựng thể chế phát triển đất nước tổng hợp, đồng bộ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường sinh thái và hội nhập quốc tế, để đảm bảo cho đất nước phát triển nhanh - bền vững (Văn kiện Đại hội XIII).

(vi) Xác định việc xây dựng và thực hiện có hiệu quả cơ chế “Đảng lãnh đạo - Nhà nước quản lý - Nhân dân làm chủ” đóng vai trò nòng cốt trong phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa; trong đó Đảng thực hiện vai trò hạt nhân lãnh đạo chính trị, Nhà nước pháp quyền thực hiện vai trò quản lý - quản trị - kiến tạo phát triển, còn Nhân dân (tất cả các chủ thể trong xã hội) thực hiện có hiệu quả vai trò chủ thể trong tất cả các lĩnh vực.

Đồng thời, Cương lĩnh 2011 đã nhấn mạnh đây “là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen”; “Để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa, điều quan trọng nhất là phải cải biến căn bản tình trạng kinh tế - xã hội kém phát triển, chiến thắng những lực lượng cản trở việc thực hiện mục tiêu đó, trước hết là các thế lực thù địch chống độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”.

Để thực hiện thành công các mục tiêu

phát triển đất nước, trên cơ sở bổ sung, phát triển và khái quát cao hơn 7 phương hướng cơ bản nêu trong Cương lĩnh 1991 và Cương lĩnh 2011 là cần quán triệt và thực hiện tốt 8 *phương hướng cơ bản* phát triển đất nước sau đây:

Một là, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Cương lĩnh 2011 đã nêu trong quá trình thực hiện các phương hướng cơ bản về xây dựng và bảo vệ đất nước phát triển theo định hướng XHCN, cần phải chú trọng *giải quyết các mối quan hệ lớn*. Trong Cương lĩnh 2011 của Đảng nêu 8 mối quan hệ lớn; đến Đại hội XII, XIII của Đảng đã bổ sung và phát triển thành 10 mối quan hệ lớn, đó là:

- i) *Giữa ổn định, đổi mới và phát triển;*
- ii) *Giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị;*
- iii) *Giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa;*
- iv) *Giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa;*
- v) *Giữa nhà nước, thị trường và xã hội;*
- vi) *Giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường;*
- vii) *Giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;*
- viii) *Giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế;*
- ix) *Giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ;*

x) *Giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.*

Văn kiện của Đại hội XIII của Đảng cũng chỉ rõ: “Đó là những mối quan hệ lớn, phản ánh các quy luật mang tính biện chứng, những vấn đề lý luận cốt lõi về đường lối đổi mới của Đảng ta, cần tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện và phát triển phù hợp với thay đổi của thực tiễn; đòi hỏi chúng ta phải nhận thức đúng và đầy đủ, quán triệt sâu sắc và thực hiện thật tốt, có hiệu quả. Tuyệt đối không được cực đoan, phiến diện”.

Từ Đại hội XI đến nay, Đảng ta đã từng bước làm rõ hơn nội hàm cụ thể của 8 nội dung nhận thức về “xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng”, nội hàm của 8 phương hướng và nội hàm của 10 mối quan hệ lớn cần phải chú trọng giải quyết trong quá trình đổi mới và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong quá trình Đổi mới, Đảng ta ngày càng nhận thức sâu sắc hơn tầm quan trọng của *phát triển bền vững đất nước - coi đây là một giá trị cốt lõi trong đường lối đổi mới của Đảng*. Sự phát triển bền vững được nhận thức là sự

phát triển đồng bộ, hài hòa giữa kinh tế, chính trị, xã hội và môi trường sinh thái. Sự phát triển bền vững luôn luôn được xem xét trong quan hệ biện chứng giữa “Đổi mới - ổn định - phát triển”; trong mỗi quan hệ này, “đổi mới” được xác định là động lực, là phương thức, “ổn định” được xác định là điều kiện, còn “phát triển” là mục tiêu; *phải lấy mục tiêu phát triển làm cơ sở để định hướng tiếp tục đổi mới và ổn định*. Phát triển bền vững đòi hỏi phải giải quyết đúng mối quan hệ giữa đổi mới - ổn định - phát triển trong mỗi giai đoạn. Cương lĩnh 2011 Đảng xác định giải quyết *mối quan hệ giữa đổi mới - ổn định - phát triển là một nội dung quan trọng trong suốt thời kỳ quá độ*. Đây là vấn đề liên quan trực tiếp đến xây dựng và thực hiện thể chế phát triển đất nước.

Khi bước vào công cuộc đổi mới (1986), Đảng ta chưa đưa ra khái niệm “thể chế phát triển”; nhưng, Đảng đã xác định *phải đổi mới toàn diện đất nước, trong đó đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị*; kết hợp ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị và thực hiện các chính sách xã hội; đổi mới

chính trị phải đồng bộ với đổi mới kinh tế theo lộ trình thích hợp. Do điều kiện lịch sử và trình độ phát triển cụ thể, trong giai đoạn cho đến trước Đại hội XIII, Đảng và Nhà nước mới chính thức xác định và tập trung cao về xây dựng và hoàn thiện “*thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*”.

Từ tổng kết thực tiễn quá trình đổi mới và phát triển đất nước, gắn với nghiên cứu lý luận, Đại hội XIII của Đảng (2021) đã rút ra 5 bài học kinh nghiệm, trong đó bài học thứ tư nhấn mạnh phải “*tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển*, bảo đảm hài hoà giữa kiên định và đổi mới, kế thừa và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, văn hóa, xã hội..., bảo vệ tài nguyên, môi trường; giữa phát triển kinh tế, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữa độc lập, tự chủ với hội nhập quốc tế...”; phải đẩy mạnh đổi mới tư duy phát triển, đưa công cuộc đổi mới toàn diện, đồng bộ lên một tầm cao mới, *phát triển nhanh và bền vững, đồng bộ cả về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và môi trường*. Và Đại hội XIII chính thức xác định: “*Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây*

dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường...”.

Đột phá về xây dựng và hoàn thiện thể chế phát triển đất nước đồng bộ theo chiều sâu trên nền tảng của khoa học công nghệ - đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao, có tầm quan trọng trực tiếp tạo nên động lực đảm bảo cho đất nước phát triển nhanh - bền vững. *Đây là sự thể hiện cô đọng yêu cầu việc thực hiện mối quan hệ giữa đổi mới - ổn định - phát triển đất nước trong giai đoạn mới.* Theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng, thể chế phát triển nhanh - bền vững là một tổng thể hữu cơ các thể chế phát triển thành phần, gồm: *thể chế chính trị, thể chế kinh tế, thể chế xã hội, thể chế môi trường sinh thái*, trong đó, thể chế chính trị giữ vai trò quyết định về định hướng phát triển của tất cả các thể chế thành phần. Việc xây dựng các thể chế phát triển thành phần trong tổng thể đồng bộ, hữu cơ với nhau, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh - bền vững đất nước trong giai đoạn mới là một nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết.

Theo đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng¹, hiện nay chúng ta đang

tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới với những nội dung lớn sau: “Đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng chú trọng hơn chất lượng và tăng tính bền vững với các khâu đột phá là: Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nguồn nhân lực, trước hết là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội. Về xã hội, chúng ta tiếp tục đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng y tế, giáo dục và các dịch vụ công ích khác, nâng cao hơn nữa đời sống văn hoá cho nhân dân”; “quyết tâm ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, thực hiện tốt hơn nữa các nguyên tắc tổ chức xây dựng Đảng, nhằm làm cho tổ chức đảng và bộ máy nhà nước ngày càng trong sạch, vững mạnh, giữ vững bản chất cách mạng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng”. Đồng thời, đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng

cũng chỉ rõ: Cả lý luận và thực tiễn đều cho thấy, xây dựng chủ nghĩa xã hội là kiến tạo một kiểu xã hội mới về chất, hoàn toàn không hề đơn giản, dễ dàng. *Đây là cả một sự nghiệp sáng tạo vĩ đại, đầy thử thách, khó khăn, một sự nghiệp tự giác, liên tục, hướng đích lâu dài, không thể nóng vội*"; “Đảng lãnh đạo và cầm quyền, trong khi xác định phương hướng chính trị và đề ra quyết sách, không thể chỉ xuất phát từ thực tiễn của đất nước và dân tộc mình, mà còn phải nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm từ thực tiễn của thế giới và thời đại. Trong thế giới toàn cầu hoá như hiện nay, sự phát triển của mỗi quốc gia - dân tộc không thể biệt lập, đứng bên ngoài những tác động của thế giới và thời đại, của thời cuộc và cục diện của nó. Chính vì vậy, chúng ta phải chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi”.

Việc từng bước đổi mới căn bản nhận thức về chủ nghĩa xã hội (thể

hiện ở các đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng), xác định phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, gắn với đổi mới nhận thức về phương thức và bước đi trong quá trình phát triển đất nước và hội nhập quốc tế; được thể hiện ở yêu cầu thực hiện đồng bộ 8 *phương hướng cơ bản* phát triển đất nước và *giải quyết các mối quan hệ lớn* (10 mối quan hệ), *xây dựng đồng bộ thể chế phát triển nhanh - bền vững đất nước*, thể hiện khái quát - tổng quát quá trình phát triển các nội dung cơ bản đường lối đổi mới của Đảng.

3. Những vấn đề đặt ra về nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

Trên bình diện khái quát nhất, nhận thức lý luận của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội từng bước được đổi mới, bổ sung và làm sáng tỏ hơn. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều *vấn đề lớn* cần được làm rõ hơn cả về cơ sở lý luận và thực tiễn, đó là:

i) Mục tiêu bao trùm về xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là “*Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”. Có thể nói đây là mục

tiêu lý tưởng vừa mang tính nhân loại vừa mang giá trị dân tộc trong cả thời kỳ quá độ lên CNXH của nước ta. Nhưng, *trong mỗi chặng đường của thời kỳ quá độ, các nội dung của mục tiêu tổng quát đó cần phải được cụ thể hóa trên tất cả các phương diện, lĩnh vực cho phù hợp với yêu cầu và trình độ phát triển của đất nước.* Vì, như Văn kiện của Đại hội XI đã nêu rõ, việc thực hiện các mục tiêu này là “một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển”; để tránh rơi vào chủ quan, giáo điều, duy ý chí.

ii) Sự *phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa* của Việt Nam phải đặt trong (gắn với) dòng chảy phát triển của nhân loại; nhưng không phải là “thụ động” xuôi theo dòng chảy đó, mà phải chủ động kiến tạo và phát triển các giá trị đặc trưng của Việt Nam để hội nhập có hiệu quả cao trong dòng chảy đó; thực hiện có hiệu quả phương châm “kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại”, “nội lực quyết định, ngoại lực quan trọng”.

Hội nhập quốc tế hiện nay thực chất là hội nhập về các giá trị kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, con người, an ninh, môi trường sinh thái (giữa giá trị của từng quốc gia - dân tộc và giá trị chung của nhân loại); đây là cuộc hợp tác và đấu tranh trên toàn cầu, để một mặt tôn trọng và bảo vệ các giá trị và lợi ích chính đáng của từng nước, đồng thời cùng xây dựng, phát triển và bảo vệ các giá trị tốt đẹp chung của nhân loại. Vì vậy, cần làm rõ hơn mối quan hệ về phát triển theo định hướng XHCN của Việt Nam với hội nhập với những giá trị chung của nhân loại.

iii) Cần tiếp tục luận giải rõ hơn cơ sở lý luận - thực tiễn về “*phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa*” trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước với trình độ phát triển còn thấp, chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa (một sáng tạo lý luận - thực tiễn quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam); cần làm rõ hơn cơ sở lý luận - thực tiễn của những giá trị, hình thức, các bước “trung gian, quá độ” trong quá trình phát triển, làm cơ sở cho xây dựng luật pháp, cơ chế, chính sách phát triển phù hợp trong tất cả các lĩnh vực.

iv) Cần làm rõ hơn tính đồng bộ về trình độ, bản chất và tính chất phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa giữa kiến trúc thượng tầng với phát triển cơ sở hạ tầng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; trong đó làm rõ tính phù hợp, đồng bộ biện chứng giữa xây dựng “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa”, “xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa” với phát triển “nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay.

v) Đẩy mạnh nghiên cứu luận chứng cơ sở lý luận - thực tiễn, “Tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển”, “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường..., tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước” (Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, 2021). Điều này được đặt ra từ yêu cầu phát triển “rút ngắn”, “nhanh - bền vững” đất nước trong giai đoạn mới, đòi hỏi rất cao vai trò chủ quan lãnh đạo chính trị tiên phong - sáng tạo của Đảng, vai trò quản lý - quản trị kiến tạo phát triển của Nhà nước pháp

quyền, vai trò làm chủ năng động - sáng tạo của tất cả các chủ thể trong xã hội. Xây dựng đồng bộ, phù hợp thể chế phát triển về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường..., sẽ tạo được động lực tổng hợp mới cho sự phát triển nhanh - bền vững đất nước trong giai đoạn mới.

vi) Cần tiếp tục luận giải rõ hơn cơ sở lý luận - thực tiễn về luận điểm “*kiên định con đường*” đi lên chủ nghĩa xã hội. Theo lôgic khách quan thì cách tiếp cận “con đường” đi lên chủ nghĩa xã hội phải gắn bó biện chứng với cách tiếp cận mục tiêu phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa (được xác định một cách khách quan); “con đường” đi tới các mục tiêu đó cũng phải mang tính khách quan, không thể được xác định một cách duy ý chí. Khi nói về một “con đường” (theo nghĩa đen) thì nó chỉ có khi đã được khai phá - hình thành bởi những người đi trước, để lại cho những người đi sau tiếp bước (và phát triển). Còn theo nghĩa bóng của “con đường” đi lên chủ nghĩa xã hội, thì về lý thuyết có thể cho là đã có những nét phác thảo sơ bộ về “con đường” đó, nhưng về mặt hiện thực thì cho đến nay *chưa*

có con đường đó, chưa có nước nào đã qua con đường đó. Điều đó có nghĩa là Việt Nam đang là một trong số ít nước đi tiên phong khai phá “con đường” đi lên chủ nghĩa xã hội từ trình độ phát triển còn thấp. Vì chưa có tiền lệ và con đường chưa hình thành rõ, nên những người đi tiên phong (dù có kim chỉ nam là lý luận) vẫn phải “mò mẫm”, khảo sát, thử nghiệm từ thực tế, có thể chệch hướng, có thể sai lầm, có thể vấp phải những trở ngại lớn, thậm chí có thất bại, đổ vỡ, phải tìm lối khác để tiếp tục đi lên. Nhân loại có chung một định hướng mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội, nhưng con đường đi lên của các nước chắc chắn không phải là độc đạo, duy nhất; mỗi nước sẽ tìm kiếm con đường cụ thể và mô hình cụ thể phù hợp với điều kiện và trình độ phát triển của mình.

Từ những điều phân tích trên, có thể thấy rằng *việc sử dụng cụm từ “kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội”* cần phải rất tinh tế, tránh rơi vào giáo điều, chủ quan, duy ý chí. Cần nhận thức rõ đây không phải là kiên định “con đường” theo lý thuyết giáo điều áp đặt, mà là *kiên định định*

hướng đi lên chủ nghĩa xã hội, hướng tới những mục tiêu và giá trị phát triển tốt đẹp. Song theo định hướng đó, đòi hỏi một sự nghiên cứu sáng tạo rất công phu, rất sâu cả về lý luận và thực tiễn về các mô hình và giải pháp phát triển; mỗi bước phát triển là một bước đúc kết về lý luận và điều chỉnh thực tiễn. Gắn với những mục tiêu trung gian, quá độ, cũng phải là mô hình, giải pháp trung gian, quá độ. Đó cũng là thể hiện trên thực tế bản chất khoa học - cách mạng - sáng tạo của phép biện chứng duy vật lịch sử cần phải được vận dụng đúng đắn trong quá trình phát triển theo định hướng XHCN. Việc Đại hội XIII của Đảng xác định: “Tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển”, “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường”, cho thấy nhận thức lý luận - thực tiễn của Đảng về công cuộc đổi mới, lãnh đạo phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã có bước phát triển rất quan trọng; đồng thời cần phải tiếp tục bổ sung, phát triển sáng tạo trong giai đoạn mới ■

NGHIÊN CỨU, VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRÊN LĨNH VỰC KINH TẾ

● PGS, TS ĐOÀN XUÂN THỦY

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực kinh tế

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, dân chủ xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực kinh tế có nghĩa là “nhân dân làm chủ”¹ trong các hoạt động và quan hệ kinh tế, là kết quả của cuộc cách mạng của giai cấp vô sản với tư cách là “những trận chiến đấu trên tất cả các mặt trận, nghĩa là trên tất cả các vấn đề kinh tế cũng như chính trị... sẽ dẫn tới chỗ lật đổ giai cấp tư sản, dẫn tới nền chuyên chính vô sản, thiết lập chế độ dân chủ toàn vẹn và tổ chức xã hội xã hội chủ nghĩa”².

Kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh cho rằng, “Dân chủ là dựa vào lực lượng quần

chúng, đi đúng đường lối quần chúng”³, dân chủ là “dân làm chủ”⁴. Người khẳng định: “Chế độ kinh tế và xã hội của chúng ta nhằm thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, trên cơ sở kinh tế xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển, cách bóc lột theo chủ nghĩa tư bản được xoá bỏ dần, đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân ngày càng được cải thiện”⁵. Theo Hồ Chí Minh, “thực hành dân chủ là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn”⁶, “Nhiệm vụ của chính quyền dân chủ là phục vụ nhân dân; tổ chức, giáo dục, động viên nhân dân xây dựng cuộc sống mới”⁷.

Trong mọi lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực kinh tế, “phải mạnh dạn phát động quần chúng, làm cho mọi người tham

nhuần tinh thần làm chủ tập thể”⁸, “Vai trò của công nhân tham gia quản lý, đó là biểu hiện quyền làm chủ tập thể của công nhân, viên chức trong mọi mặt hoạt động của xí nghiệp. Quyền lợi của công nhân, viên chức gắn liền với sự phát triển của xí nghiệp và kinh doanh có lãi. Từ làm chủ tư liệu sản xuất, họ phải được làm chủ việc quản lý kinh tế, làm chủ việc phân phối sản phẩm lao động”⁹, “Cán bộ phải tham gia lao động, công nhân phải tham gia quản lý”¹⁰. Thực hiện dân chủ “chắc chắn ngăn ngừa được những tệ quan liêu, mệnh lệnh, lãng phí, tham ô”¹¹.

Từ những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, có thể hiểu khái quát: xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực kinh tế là xác lập và thực hiện ngày càng đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân lao động, trước hết là của giai cấp công nhân trong lĩnh vực kinh tế.

2. Thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực kinh tế và nguyên nhân

Trong thời kỳ trước đổi mới, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, dân chủ xã hội chủ nghĩa trong

lĩnh vực kinh tế được xây dựng và thực hiện chủ yếu thông qua xác lập quyền làm chủ hình thức của nhân dân lao động trong kinh tế thông qua các biện pháp loại bỏ chế độ tư hữu và các thành phần kinh tế gắn với chế độ tư hữu, đảm bảo việc làm cho giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Tuy nhiên, việc xây dựng và thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực kinh tế bằng cơ chế kế hoạch hóa mệnh lệnh đã không mang lại kết quả tích cực, không thúc đẩy sản xuất phát triển, ngược lại, làm cho người lao động không cảm nhận được quyền làm chủ các điều kiện sản xuất, quá trình sản xuất cũng như kết quả sản xuất, không tạo ra động lực cho nhân dân lao động nói chung, giai cấp công nhân nói riêng hăng hái tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội.

Kể từ khi đổi mới, trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhận thức về dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân trong lĩnh vực kinh tế đã từng bước được đổi mới gắn với quá trình khôi phục, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định

hướng xã hội chủ nghĩa. Việc xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực kinh tế không chỉ giới hạn trong các thành phần kinh tế dựa trên chế độ công hữu như kinh tế nhà nước, tập thể, mà được mở rộng đối với các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế khác, đặc biệt là kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Trong thành phần kinh tế nhà nước, đặc biệt là trong các doanh nghiệp nhà nước, việc thực hiện các chủ trương của Đảng về đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, việc thể chế hóa của Nhà nước thông qua ban hành và triển khai thực hiện các luật liên quan, đã từng bước đổi mới thực hiện quyền làm chủ của doanh nghiệp và người lao động thông qua đổi mới quan hệ sở hữu, phương thức hoạt động kinh doanh, quan hệ tổ chức quản lý doanh nghiệp, quan hệ phân phối thu nhập và quyền làm chủ của người lao động trong doanh nghiệp. Việc phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa trong các doanh nghiệp nhà nước theo hướng thực hiện quyền làm chủ tập thể của các chủ thể trong doanh nghiệp dựa trên đổi mới quan hệ sở hữu, tổ chức quản lý, phân phối

thu nhập thích ứng với cơ chế thị trường đã góp phần phát triển doanh nghiệp nhà nước, củng cố vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước.

Trong thành phần kinh tế tập thể, việc đổi mới phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa thông qua thực hiện quyền làm chủ tập thể của các thành viên kinh tế tập thể cũng được thực hiện từng bước dựa trên nhận thức sâu sắc hơn quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của kinh tế tập thể trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đảng đã có nhiều chủ trương mới về phát triển kinh tế tập thể trong thời kỳ đổi mới và đã được Nhà nước thể chế hóa bằng các Luật Hợp tác xã cùng các chính sách hỗ trợ phát triển. Nhờ đó, kinh tế tập thể đã được tổ sắp xếp lại, phát triển những hình thức mới, tập trung thực hiện những vai trò then chốt trong quá trình chuyển sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ, đặc biệt trong nông nghiệp, thành sản xuất lớn, phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong thành phần kinh tế tư nhân và thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, việc từng bước mở rộng phạm vi

hoạt động kinh doanh và hoàn thiện hệ thống thể chế kinh tế, xã hội theo hướng dân chủ hóa đã tạo thuận lợi cho phát triển các thành phần này với tư cách là những bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hoạt động theo pháp luật. Trong những năm đổi mới, nhận thức mới về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân thể hiện trong các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đã góp phần đưa kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế. Những đổi mới nhận thức về kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã góp phần không những thu hút được nguồn vốn bổ sung quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội, mà còn góp phần nâng cao trình độ công nghệ, học hỏi kinh nghiệm quản lý kinh doanh hiệu quả trong kinh tế thị trường, giải quyết việc làm, thu nhập cho người lao động, mở rộng thị trường...

Việc phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa về kinh tế trong thành phần kinh tế nhà nước và tập thể cùng với mở rộng dân chủ kinh tế trong các thành phần kinh tế tư nhân và có vốn đầu tư nước ngoài không những góp phần

phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và không ngừng mở rộng, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, mà còn góp phần không ngừng hoàn thiện nhận thức nội dung và phát huy hiệu quả hơn dân chủ xã hội chủ nghĩa về kinh tế thông qua thực hiện ngày càng đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước và xu thế hội nhập quốc tế.

Việc nỗ lực vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa về kinh tế trong thời kỳ đổi mới đã thực sự tạo ra những động lực mới cho phát triển kinh tế nói riêng và phát triển đất nước nói chung. Đánh giá thành tựu phát triển kinh tế - xã hội qua 35 năm Đổi mới, Đại hội XIII nhận định: “Đất nước đã đạt được *những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử*, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. *Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*. Đây là niềm tự hào, là động lực, nguồn lực quan trọng, là

niềm tin để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ; phát triển nhanh và bền vững đất nước¹². Trong bối cảnh kể từ sau Đại hội XIII của Đảng, tình hình thế giới, khu vực và trong nước có nhiều diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường; khó khăn, thách thức mới xuất hiện, gay gắt, nặng nề hơn so với dự báo, cũng như so với cùng kỳ của một số nhiệm kỳ gần đây, đất nước vẫn “cơ bản thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ: *Vừa tập trung phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh; vừa thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng và hiệu quả*”, “*Việt Nam là một điểm sáng “trong bức tranh xám màu” của kinh tế toàn cầu*”. Tăng trưởng kinh tế năm 2021 đạt 2,56%, trong khi nhiều nền kinh tế trên thế giới tăng trưởng âm; tăng trưởng kinh tế năm 2022 đạt 8,02%, cao hơn nhiều so với kế hoạch 6 - 6,5%, và là mức tăng cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới¹³; tăng trưởng GDP năm 2023 ước đạt 5,05%¹⁴.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, cho đến nay trong xây dựng và thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa về kinh tế vẫn còn không ít bất cập: (1) Dân chủ xã hội chủ nghĩa về kinh tế chưa được xác định rõ ràng, đặc biệt chưa phân định rõ trách nhiệm và quyền hạn thực hiện quyền làm chủ tập thể về kinh tế đối với từng vị trí việc làm trong hệ thống doanh nghiệp nhà nước. Hậu quả là một bộ phận cán bộ lãnh đạo, trong đó có người đứng đầu trong doanh nghiệp nhà nước, đã vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế, gây tổn thất, lãng phí và đặc biệt là thất thoát lớn về tài sản thuộc sở hữu toàn dân, sở hữu nhà nước, trong khi đó công tác giám sát, kiểm soát quyền lực kinh tế còn mờ nhạt, chậm hoặc không phát hiện ra những sai phạm đó. (2) Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ tập thể về kinh tế và dân chủ kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa được nhận thức rõ ràng, dẫn tới những khó khăn trong thực hiện trong thực tiễn. Những hạn chế kể trên có nhiều nguyên nhân, trong đó đặc biệt là những nguyên nhân từ các rào cản

về nhận thức, thể chế và phương thức thực hiện.

Về nhận thức, cho đến nay về lý luận vẫn chưa thật sự làm rõ đặc thù và nội dung của dân chủ xã hội chủ nghĩa trong kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội nói chung và trong từng chặng đường của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam nói riêng, cũng như mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và dân chủ kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, dẫn đến chưa xác định rõ phạm vi, nội dung cần thực hiện để đảm bảo dân chủ xã hội chủ nghĩa trong kinh tế cũng như quyền làm chủ của nhân dân lao động trong các thành phần kinh tế dựa trên chế độ công hữu và trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nói chung.

Những rào cản về nhận thức cùng với sự phát triển ngày càng sâu rộng của các quan hệ thị trường trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã và đang làm cho hệ thống thể chế đảm bảo dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân lao động cần phải được tiếp tục xây dựng và hoàn thiện. Rào cản đối với

thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân lao động không chỉ thể hiện trong hệ thống thể chế chính thức do Nhà nước ban hành dưới hình thức các văn bản quy phạm pháp luật, mà còn thể hiện trong hệ thống thể chế phi chính thức, biểu hiện thông qua ảnh hưởng không nhỏ của các tập quán, thói quen không dễ sửa trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, từ đó trở thành trở lực đối với việc xác lập hệ thống thể chế hiệu quả để đảm bảo dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân lao động trong kinh tế ở Việt Nam.

Với nhận thức chưa đầy đủ và hệ thống thể chế chưa hoàn thiện, phương thức thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân lao động trong kinh tế chịu ảnh hưởng không nhỏ từ các yếu tố tự phát, chủ quan dưới tác động của lợi ích cá nhân. Phương thức thực hiện đó làm cho việc thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân lao động trong kinh tế nhiều khi chỉ mang tính hình thức, vừa không phát huy được trí tuệ và sự năng động sáng tạo của tập thể người lao động, vừa tạo khe hở cho một số cán bộ có chức, có quyền lợi

dụng quyền lực kinh tế mà nhân dân giao phó để trục lợi cá nhân, không góp phần phát huy vai trò động lực của dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân lao động trong kinh tế, mà ngược lại làm cho người lao động trở thành vô chủ, không thiết tha với việc bảo vệ, phát triển sở hữu toàn dân với tư cách là cơ sở để gia tăng lợi ích của cá nhân, tập thể và xã hội.

3. Một số kiến nghị, đề xuất giải pháp về nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực kinh tế

Từ trình bày, phân tích thực trạng dân chủ xã hội chủ nghĩa trong kinh tế ở Việt Nam qua gần 40 năm đổi mới, những giải pháp chủ yếu cần thực hiện trong nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực kinh tế bao gồm:

Thứ nhất, vẫn cần tiếp tục nghiên cứu làm rõ nội hàm của dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân lao động về kinh tế trong bối cảnh mới, trước hết đối với các thành phần kinh tế dựa trên chế độ công hữu và sau đó là trong toàn bộ nền kinh tế. Kết

quả của nghiên cứu đó phải tạo cơ sở khoa học cho xác định cụ thể vị trí của từng chủ thể trong các thành phần kinh tế nhà nước và tập thể với tư cách là những cấp độ thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong quan hệ sở hữu các yếu tố sản xuất, tổ chức quản lý và thực hiện hoạt động sản xuất, thực hiện và phân phối giá trị kết quả sản xuất và thu nhập, cùng với việc nghiên cứu làm rõ cơ sở khoa học của mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và dân chủ kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo căn cứ cho xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế phù hợp với trình độ phát triển hiện tại của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Thứ hai, kết quả nghiên cứu khoa học làm rõ về lý luận về nội hàm cụ thể của dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong kinh tế cùng mối quan hệ với dân chủ kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải được sử dụng trong công tác tuyên truyền, trở thành nội dung quan trọng cần quán triệt ở mọi cấp độ để

mọi cán bộ, đảng viên, người lao động nắm vững nội dung thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động về kinh tế trong mối quan hệ với dân chủ kinh tế.

Thứ ba, tiếp tục đẩy mạnh hoàn thiện thể chế. Để thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong kinh tế rất cần có khung khổ thể chế rõ ràng, đặc biệt trước hết là hệ thống thể chế chính thức dưới hình thức các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước. Hệ thống thể chế hiện tại đã hướng tới thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động song do nhận thức về dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động chưa thống nhất, những thể chế mềm như tập quán thói quen được sinh ra bởi sản xuất nhỏ đang ảnh hưởng tiêu cực đến thực hiện và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động như rất khó loại bỏ nhanh chóng, do đó, cần hoàn thiện hệ thống thể chế đảm bảo dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động theo lộ trình từng bước, gắn với mở rộng dân chủ kinh tế

theo trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong hoàn thiện thể chế đảm bảo phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong kinh tế rất cần phải không những xuất phát từ hoàn cảnh cụ thể của từng giai đoạn phát triển, từ tổng kết thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, mà còn phải nghiên cứu, chắt lọc những tinh hoa của nhân loại đã đạt được trong mở rộng dân chủ kinh tế có kiểm soát trong phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế.

Việc hoàn thiện thể chế đảm bảo dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trước hết phải tập trung vào những điểm nghẽn trong phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động đối với các tài sản thuộc sở hữu toàn dân, đặc biệt là những tài sản đang được sử dụng trong các doanh nghiệp nhà nước. Hệ thống thể chế không chỉ bao gồm những quy định mang tính khung khổ, mà còn phải đảm bảo hệ thống kích thích thực thi và tính minh bạch trong thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa và

quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động thông qua cơ chế tăng cường giám sát từ phía đại diện thực sự của sở hữu toàn dân.

Thứ tư, tiếp tục phát triển nguồn nhân lực, không ngừng nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân lao động. Để thực thi hiệu quả hệ thống thể chế chính thức đảm bảo dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động cần phải có những chủ thể đủ năng lực xây dựng, thực thi từ mọi cấp độ, trong đó ban đầu là tạo lập đội ngũ cán bộ đủ trình độ, năng lực nghiên cứu làm rõ nội hàm của dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiếp đó là đội ngũ đủ năng lực để xây dựng hệ thống thể chế thực hiện và cuối cùng là các chủ thể thực thi thể chế.

Nhóm nhân lực làm công tác nghiên cứu khoa học, phát triển nhận thức đầy đủ về dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong kinh tế là nhóm nhân lực trình độ cao và nhóm nhân lực xây dựng hệ thống thể chế thực hiện cần được quan tâm phát triển hàng đầu. Trong đào tạo bồi dưỡng đội ngũ này phải tuyệt đối “Kiên định và vận dụng,

phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”¹⁵.

Nhóm nhân lực thực thi thể chế bao gồm nhân lực quản lý và các chủ thể tham gia thực hiện, cần tập trung phát triển theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng: “*Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục và đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*”¹⁶.

Tóm lại, từ nghiên cứu, vận dụng và

phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực kinh tế có thể khẳng định, việc xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa về kinh tế là quá trình tất yếu, có vai trò đặc biệt quan trọng trong tạo động lực kinh tế cho xây dựng chủ nghĩa xã hội, song đó cũng là công việc vô cùng phức tạp, có thể phải thực hiện từng bước, lâu dài. Để đảm bảo hiệu quả xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa về kinh tế của nhân dân lao động ở Việt

Nam thời gian tới cần thực hiện đồng bộ trong mối quan hệ gắn kết chặt chẽ các giải pháp, đặc biệt là tiếp tục nghiên cứu cụ thể hóa nội dung của dân chủ xã hội chủ nghĩa về kinh tế, xây dựng, hoàn thiện và thực thi hiệu quả hệ thống thể chế đảm bảo cũng như nguồn nhân lực phù hợp. Đó là công việc lớn của toàn bộ hệ thống chính trị và toàn dân dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ■

¹ C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n: *Toàn tập*, t.19, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.44-45.

² V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.54, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.592.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.362.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.572.

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.376.

^{6,8,9,11} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.326-327, 326-327, 682, 326-327.

⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.454.

¹⁰ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.147.

^{12, 15, 16} ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, tr.103-104, 110, 203-204.

¹³ Nguyễn Phú Trọng: *Cả nước đồng lòng, tranh thủ mọi thời cơ, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, quyết tâm thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*, Nxb CTQGST, Hà Nội, 2023, tr.125.

¹⁴ <https://www.gso.gov.vn/bai-top/2023/12/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2023>.

PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA VÀ XÂY DỰNG THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VĂN HÓA

● PGS, TS BÙI HOÀI SƠN

Ủy viên Thường trực Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội

Mở đầu

Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa được xem là một trong những giải pháp đột phá trong phát triển văn hóa nói riêng, đất nước nói chung trong giai đoạn hiện nay cũng như những năm sắp tới. Gần đây, những gì Black Pink đem lại cho Hà Nội qua 2 đêm diễn với khoảng hơn 300 tỷ đồng, và Taylor Swift đem lại cho Singapore qua 6 đêm diễn với hơn 375 triệu đô la (8.925 tỷ đồng) cho thấy những tiềm năng kinh tế của công nghiệp văn hóa, nhưng những lợi ích khác đến từ chính trị, xã hội, văn hóa,... còn lớn hơn thế nhiều. Đó là lý do chúng ta cần suy nghĩ nghiêm túc hơn nữa, hành động quyết liệt hơn nữa để các ngành công nghiệp văn hóa mang lại lợi ích cho sự

phát triển bền vững đất nước.

Dù công nghiệp văn hóa không phải là một vấn đề mới trên thế giới, và ngay cả ở Việt Nam, quan điểm và chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa cũng đã được triển khai khoảng 10 năm nay, nhưng thực trạng phát triển các ngành công nghiệp văn hóa hiện nay vẫn làm những người trong cuộc hết sức sốt ruột, lo lắng. Cuối năm 2023, Thủ tướng Chính phủ đã chủ trì Hội nghị toàn quốc về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Đây là một tín hiệu tích cực để chúng ta hy vọng nhiều hơn vào sự phát triển của các ngành công nghiệp quan trọng này.

1. Thực trạng phát triển các ngành công nghiệp văn hóa và xây dựng thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa

Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây gọi là Chiến lược) xác định 12 ngành công nghiệp văn hóa gồm: Quảng cáo, kiến trúc, phần mềm và các trò chơi giải trí, thủ công mỹ nghệ, thiết kế, điện ảnh, xuất bản, thời trang, nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm, truyền hình phát thanh, du lịch văn hóa.

Trên thực tế, không phải đợi đến năm 2016 khi ban hành Chiến lược, chúng ta mới có các ngành công nghiệp văn hóa. Tuy nhiên, rõ ràng là, với cách tư duy, quản lý và vận hành các lĩnh vực trên theo lối cũ, các lĩnh vực này không tồn tại như các ngành công nghiệp văn hóa theo nghĩa đúng nhất của khái niệm này, ở đó, đòi hỏi tính chuyên nghiệp, tuân theo quy luật của thị trường, có sự kết nối giữa tài năng sáng tạo, nguồn lực văn hóa, công nghệ và kỹ năng kinh doanh để hình thành nên các sản phẩm và dịch vụ văn hóa. Sự chưa phát triển và tính không chuyên nghiệp thể hiện ở việc rất nhiều các công trình nghệ thuật được sản xuất ra và rơi vào quên lãng, lãng phí tiền của của Nhà nước và xã hội.

Những ví dụ như một số bộ phim nhiều tỷ nhưng không thể chiếu ở rạp còn tồn tại ở rất nhiều các lĩnh vực khác nhau: từ âm nhạc, phim ảnh đến thủ công mỹ nghệ... Nhiều nghệ sỹ, nghệ nhân, những người sáng tạo không sống được bằng nghề. Thị trường nghệ thuật méo mó, không phát triển theo đúng qui luật cung cầu của nó.

Kể từ sau khi ban hành Chiến lược, việc phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đã có những chuyển biến tích cực, nhất là ở những thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng – 3 thành phố được thiết kế để trở thành trung tâm công nghiệp văn hóa của cả nước. Những thành tựu đáng kể như Hà Nội, Hội An, Đà Lạt đã tham gia vào mạng lưới các thành phố sáng tạo của UNESCO, các sự kiện sáng tạo, không gian sáng tạo được nở rộ ở các đô thị, hay sự quan tâm nhiều hơn của xã hội đối với các ngành công nghiệp văn hóa thông qua các hội nghị, hội thảo, tọa đàm ở các quy mô khác nhau là những ví dụ điển hình như vậy.

Công nghiệp văn hóa đang trở thành xu hướng và được xác định là

phần quan trọng, bền vững, đóng góp vào sự tăng trưởng của đất nước. Theo báo cáo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: “giá trị tăng thêm (giá hiện hành) của các ngành công nghiệp văn hóa đóng góp vào nền kinh tế năm 2018 ước đạt 5,82%; năm 2019 ước đạt 6,02%; năm 2020 và 2021 do ảnh hưởng của đại dịch nên số liệu có sự sụt giảm chỉ còn khoảng 4,32% và 3,92%; đến năm 2022 các ngành đã bắt đầu phục hồi và giá trị đóng góp có sự tăng trưởng ước đạt 4,04%. Giá trị sản xuất của các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam giai đoạn 2018-2022 đóng góp ước bình quân đạt 1,059 triệu tỷ đồng (tương đương khoảng 44 tỷ USD). Giai đoạn 2018-2022, bình quân 5 năm tốc độ tăng trưởng về số lượng các cơ sở kinh tế hoạt động trong các ngành công nghiệp văn hóa ước đạt 7,2%/năm; năm 2022 thống kê có khoảng 70.321 cơ sở¹ đang hoạt động có liên quan đến các ngành công nghiệp văn hóa. Lực lượng lao động thuộc các ngành công nghiệp văn hóa tăng khá nhanh, bình quân 5 năm lao động tăng 7,4%/năm, năm 2022 thu hút khoảng 2,3 triệu lao động, chiếm tỷ trọng 4,42% trong tổng lực lượng

lao động của nền kinh tế. Xuất nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ của các ngành công nghiệp văn hóa trong giai đoạn 2018-2022 tạo ra giá trị xuất siêu, năm 2018 xuất siêu ước đạt 37 tỷ USD, đến năm 2022 xuất siêu tiếp tục tăng, ước đạt 41,9 tỷ USD².

Trong các lĩnh vực cụ thể, chúng ta thấy những đóng góp rất tích cực như: *Điện ảnh*: giai đoạn 2018-2022, điện ảnh là lĩnh vực có xu hướng phát triển nhanh, giá trị sản xuất bình quân tăng 8,03%/năm, giá trị gia tăng bình quân tăng 7,94%/năm, nguồn lực lao động bình quân tăng 8,05%/năm, số lượng cơ sở kinh tế hoạt động trong lĩnh vực điện ảnh bình quân tăng 8,39%/năm³. Doanh thu điện ảnh chiếu rạp năm 2019 đạt trên 4,1 nghìn tỷ đồng (khoảng 178 triệu USD), phim điện ảnh Việt Nam chiếm khoảng 29% doanh thu với khoảng 1,15 nghìn tỷ đồng (50 triệu USD)⁴. *Du lịch văn hóa*: Tổng thu từ khách du lịch năm 2018 đạt 637 nghìn tỷ đồng, đóng góp 8,39% vào GDP cả nước; năm 2019 đạt 755 nghìn tỷ đồng (tương đương 32,8 tỷ USD)⁵. Giá trị sản xuất, giá trị gia tăng của du lịch có sự sụt giảm đáng kể trong giai đoạn 2020-2021 do



Một hoạt động tại sự kiện Festival mùa thu Hà Nội 2023 - Ảnh: Đình Trung

ảnh hưởng của Đại dịch Covid-19. Đến năm 2022, du lịch từng bước phục hồi (từ ngày 15/3/2022), tổng thu từ khách du lịch ước đạt 495 nghìn tỷ đồng, tăng 2,75 lần so với cùng kỳ, khách du lịch nội địa đạt 101,3 triệu lượt⁶. Số lượng doanh nghiệp lữ hành đăng ký mới và quay trở lại lĩnh vực du lịch tăng nhanh. Trong 10 tháng đầu năm 2023, lượng khách quốc tế đến Việt Nam đạt hơn 9,97 triệu lượt, vượt kế hoạch năm 2023; khách nội địa đạt 98,7 triệu lượt; tổng thu từ khách du lịch đạt 582,6 nghìn tỷ

đồng⁷. Lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn: hoạt động sáng tác nghệ thuật giai đoạn 2018-2022 có sự tăng trưởng (riêng giai đoạn 2021 có sụt giảm so với năm 2020 do tác động của dịch bệnh), giá trị sản xuất bình quân tăng 5,59%/năm, giá trị gia tăng của lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn bình quân tăng 5,67%/năm⁸. Lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm: giai đoạn 2018-2022, giá trị sản xuất bình quân tăng 6,5%/năm, giá trị gia tăng bình quân tăng 6,43%/năm⁹. Lĩnh vực quảng cáo: giai đoạn 2018-2022, giá trị sản xuất

của lĩnh vực quảng cáo có xu hướng tăng theo từng năm, bình quân tăng 6,28%/năm; giá trị gia tăng bình quân tăng 6,31/năm¹⁰. Năm 2022, doanh thu quảng cáo đạt khoảng 2,192 tỷ USD, tốc độ tăng trưởng doanh thu của thị trường quảng cáo Việt Nam năm 2022 đạt 12,7%, đứng thứ 5/11 quốc gia ASEAN, xếp thứ 2/11 quốc gia về tốc độ tăng trưởng¹¹. *Lĩnh vực thiết kế*: giai đoạn 2018-2022, giá trị sản xuất của lĩnh vực thiết kế bình quân tăng 6,45%/năm, năm 2022 ước đạt 9,185 nghìn tỷ đồng; giá trị gia tăng bình quân tăng 6,36%/năm, năm 2022 ước đạt 4,471 nghìn tỷ đồng¹². *Lĩnh vực thời trang*: có tốc độ tăng trưởng ổn định trong giai đoạn 2018-2022, giá trị sản xuất bình quân tăng 7,36%/năm; giá trị gia tăng trong giai đoạn này bình quân tăng 7,3%/năm¹³. *Lĩnh vực truyền hình và phát thanh*: giá trị sản xuất (theo giá hiện hành) giai đoạn 2018-2022 bình quân tăng 7,52%/năm; giá trị gia tăng bình quân tăng 7,51%/năm¹⁴. Hệ thống phát thanh, truyền hình trên toàn quốc đã có sự phát triển nhanh cả về số lượng, nội dung và chất lượng chương trình¹⁵. Tổng doanh thu của các Đài phát

thanh, truyền hình năm 2022 đạt khoảng 15.048 tỷ đồng, trong đó doanh thu quảng cáo khoảng 7.565 tỷ đồng¹⁶. *Lĩnh vực phần mềm và các trò chơi giải trí*: giai đoạn 2018-2022, giá trị sản xuất bình quân tăng 7,19%/năm và giá trị gia tăng bình quân tăng 7,21%/năm¹⁷. *Lĩnh vực thủ công mỹ nghệ*: giai đoạn 2018-2022, lĩnh vực thủ công mỹ nghệ đóng góp đáng kể vào sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa, giá trị sản xuất của lĩnh vực này bình quân 5 năm tăng 11,07%/năm, giá trị gia tăng bình quân tăng 11,25%/năm¹⁸. Doanh thu năm 2022 của các làng nghề đạt khoảng 75.720 tỷ đồng, xuất khẩu các sản phẩm và nguyên liệu năm 2022 đạt khoảng 3,3 tỷ USD¹⁹...

Như vậy, chúng ta có thể thấy đóng góp rất lớn của các ngành công nghiệp văn hóa đối với nền kinh tế của đất nước. Điều này cũng rất tương đồng so với xu hướng chung của thế giới. Không những thế, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa còn tạo điều kiện khai thác những giá trị văn hóa dân tộc, giúp tăng năng lực cạnh tranh quốc gia và quảng bá hình ảnh Việt Nam với thế giới.

2. Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với sự phát triển các ngành công nghiệp văn hóa và xây dựng thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa

2.1. Điểm mạnh

- Việt Nam có một nền văn hóa giàu có, độc đáo và đa dạng được hình thành qua nhiều thế kỷ. Điều này được biểu hiện qua sự phong phú của nhiều ngành nghề thủ công, nhiều di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, nghệ thuật, kiến trúc, lễ hội độc đáo của 54 tộc người. Trong những năm gần đây, vốn di sản văn hóa phong phú và đặc sắc của Việt Nam bắt đầu được phục hồi và ghi nhận bởi các tổ chức quốc tế.

- *Tài năng sáng tạo*: Việt Nam có dân số trẻ và tăng trưởng nhanh, có năng lực sáng tạo tốt và nhanh nhạy trong kết nối toàn cầu. Một số cá nhân tài năng như các nghệ sĩ, các nhà sản xuất văn hóa và kinh doanh, tổ chức các hoạt động văn hóa có tâm huyết đang hình thành, đây chính là những nhân lực quan trọng cho sự tăng trưởng trong công nghiệp văn hóa của đất nước.

- *Bề dày lịch sử với nhiều thích ứng và đổi mới*: nhân dân ta có truyền thống cần cù lao động, luôn dễ dàng thích

ứng với những đổi mới. Tăng trưởng trong công nghiệp văn hóa sẽ đưa bản sắc văn hóa của Việt Nam bước vào một giai đoạn mới, gia tăng lợi ích kinh tế và thúc đẩy phát triển công nghệ số.

- *Cam kết có tính chiến lược từ Chính phủ*. Chiến lược phát triển ngành các ngành công nghiệp văn hóa được xác định như một thành tố then chốt trong chiến lược phát triển quốc gia. Thủ tướng Chính phủ đã chủ trì hội nghị về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam. Hà Nội cũng đã đi tiên phong trong việc ban hành nghị quyết riêng về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Như vậy, thông qua việc thực hiện chiến lược, kế hoạch của Chính phủ và sự phối hợp của các Bộ, Ban, Ngành, địa phương, cộng với mối quan tâm thực sự của các cơ quan quốc tế, các ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam có khả năng sẽ nhận được sự hỗ trợ nhiều hơn so với các nước đang phát triển khác.

2.2. Điểm yếu

- *Hệ thống quản lý và các mô hình đầu tư chưa thực sự phù hợp cho sự phát triển mạnh mẽ của ngành công nghiệp văn hóa*. Về tổng thể, đầu tư trong lĩnh vực văn hóa còn thấp và một phần

đáng kể của đầu tư nằm ở bộ máy quản lý công kênh và phức tạp. Hơn nữa mô hình đầu tư cho văn hóa chủ yếu vẫn dựa vào Nhà nước và cách thức đầu tư chưa đổi mới, nên các tổ chức văn hóa còn phụ thuộc vào bao cấp nhà nước, thiếu sự năng động, chưa đa dạng hóa tối đa các mô hình kinh doanh, thiếu biện pháp cụ thể để khuyến khích đầu tư của xã hội vào văn hóa, thiếu cơ chế công nhận và động viên phù hợp cho các cá nhân có công lao đóng góp xây dựng. Các tổ chức văn hóa còn thiếu các kỹ năng, năng lực, động lực hay cơ sở pháp lý phù hợp để thu hút các loại hình đầu tư mới hoặc để kinh doanh. Nhìn chung, chế độ lương thấp, thiếu kiến thức chuyên môn và nhiệt huyết trong sáng tạo và đổi mới đang là tình trạng diễn ra phổ biến trong lĩnh vực văn hóa.

- *Sự thiếu hụt và yếu kém trong kỹ năng quản lý và kỹ năng chuyên môn để có thể thành công trong sáng tạo và kinh doanh văn hóa.* Đây là hệ quả của một hệ thống giáo dục trong một thời gian dài không trang bị hiệu quả các kỹ năng, kiến thức về quản lý văn hóa và kinh doanh trong kinh tế thị trường. Hơn nữa, bất cập trong giáo dục về

sáng tạo ở cấp trường đã hạn chế sự hình thành cũng như sự phát hiện và nuôi dưỡng kịp thời đối với các tài năng sáng tạo. Bên cạnh đó là sự hợp tác yếu hoặc không có hợp tác giữa các thiết chế giáo dục với các đơn vị kinh doanh, cũng như các đơn vị văn hóa, dẫn đến cơ hội phát triển nghề nghiệp cũng như đào tạo nâng cao kỹ năng quản lý và chuyên môn cho các nhân sự làm việc trong lĩnh vực văn hóa còn hạn chế.

- *Các cơ chế thích hợp cho sự thành công của công nghiệp văn hóa chưa được vận hành:* Cho đến hiện nay các tổ chức nghệ thuật không có khả năng và chưa được phép vận hành như các doanh nghiệp xã hội, đây là một trong những nguyên nhân chính khiến các đơn vị này bị hạn chế trong công tác gây quỹ và hợp tác.

- *Thiếu sự hợp tác hiệu quả trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan trong lĩnh vực văn hóa.* Các doanh nghiệp văn hóa và các mạng lưới doanh nghiệp sáng tạo đang bắt đầu tự tổ chức và hình thành nên các mạng lưới, nhưng nhìn chung các mạng lưới này còn mỏng và chưa gắn kết với các cơ hội chính sách mang tính chiến lược như các chương trình giáo dục, chương

trình hỗ trợ doanh nghiệp (thuế, thủ tục, vay vốn) hoặc các quy hoạch xây dựng đô thị. Hợp tác giữa các lĩnh vực, ví dụ như giữa du lịch với các ngành nghề thủ công truyền thống, với sản xuất sản phẩm văn hóa, còn yếu.

- *Thị trường nội địa và quốc tế cho các sản phẩm và dịch vụ văn hóa Việt Nam còn kém phát triển.* Sự tăng trưởng về tiêu dùng vẫn chưa gắn với các sản phẩm văn hóa được sản xuất tại chính địa phương. Vi phạm bản quyền còn tràn lan cùng với công tác quản lý bản quyền, thu phí bản quyền kém hiệu quả đã làm cho thị trường văn hóa càng hạn chế bởi sự suy giảm các tiềm năng thương mại trong ngành công nghiệp văn hóa. Một phần đây là hậu quả từ chất lượng chưa tốt của sản phẩm và dịch vụ văn hóa Việt Nam. Nhìn chung, ngành công nghiệp văn hóa đòi hỏi một sự cải tổ toàn diện để có thể nâng cao hiệu quả và vươn tới các thị trường mới trong nước và ngoài nước.

2.3. Cơ hội

- *Thị trường nội địa và quốc tế rộng lớn cho các sản phẩm và dịch vụ văn hóa Việt Nam.* Ngay chỉ với mức tăng trưởng nhỏ của thị trường, các ngành

công nghiệp văn hóa cũng có thể tạo ra nhiều công việc mới và đem lại cho nhiều tài năng sáng tạo cơ hội phát triển và biến khả năng đó thành lợi ích kinh tế. Bằng cách cải thiện năng lực quản lý, kỹ năng và các mô hình kinh doanh, hỗ trợ cho lĩnh vực này có định hướng thị trường hơn và gắn kết hơn với công chúng, kết nối với các thị trường mới và tiềm năng, các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam có thể tăng trưởng để trở thành một phần quan trọng trong toàn bộ nền kinh tế.

- *Đổi mới cách thức tiếp cận về quản lý nhà nước, đầu tư và luật, các đòn bẩy kinh tế về thuế, tài trợ... cho ngành công nghiệp văn hóa, giúp Việt Nam đạt được một nền kinh tế hiện đại mang tính văn hóa.* Về cơ bản, nhiều mô hình quản trị, kinh doanh, đầu tư hiện tại ở nước ta không những không phù hợp mà còn cản trở sự tăng trưởng hay đổi mới thực sự trong các ngành công nghiệp văn hóa. Nhiều cơ hội đang hiện hữu cần được nắm bắt để phát huy được sự linh hoạt và tinh thần doanh nghiệp trong các tổ chức văn hóa, khuyến khích được các hình thức đầu tư mới; tăng doanh thu qua đổi mới và áp dụng nghiêm túc Luật sở

hữu trí tuệ, giảm các rào cản cho tăng trưởng và đổi mới.

- *Tạo ra văn hóa đổi mới, sáng tạo và đi vào chiều sâu ở khắp tất cả các phân ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam.* Để nắm bắt được cơ hội này, yếu tố nền tảng là hoạt động giáo dục và các chương trình đào tạo về kỹ năng, các diễn đàn cho biểu đạt văn hóa và kinh doanh văn hóa và đầu tư vào cơ sở hạ tầng, nghiên cứu và hợp tác quốc tế.

- *Thành lập một hệ thống các tổ hợp sáng tạo chất lượng cao và các mạng lưới làm việc trong các ngành công nghiệp văn hóa.* Việc định vị thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Đà Nẵng như là những thành phố sáng tạo quốc tế sẽ giúp hình thành của một nhóm các tổ hợp sáng tạo trong thành phố và mạng lưới các doanh nghiệp trong ngành, xây dựng chuỗi giá trị sáng tạo, trở thành tác nhân kích thích sự phát triển của các hoạt động liên quan như du lịch với thủ công mỹ nghệ ở các làng nghề trong vùng và mạng lưới các làng nghề xung quanh khu vực...

- *Định vị các ngành công nghiệp văn hóa như là yếu tố bổ sung giá trị đến các lĩnh vực khác* - Các ngành công nghiệp văn hóa tạo công ăn việc làm và đem

lại tăng trưởng cho lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, đồng thời nó cũng có thể giúp nâng cao hiệu quả vận hành và sự đổi mới trong các lĩnh vực có liên quan khác, ví dụ công nghiệp điện ảnh góp phần thúc đẩy du lịch văn hóa, cũng như ngành thiết kế sẽ góp phần hồi sinh các ngành nghề thủ công truyền thống bằng các sản phẩm thiết kế mới trên các chất liệu truyền thống, đáp ứng được nhu cầu của con người trong đời sống đương đại.

2.4. Thách thức

- *Sự trì trệ và thiếu năng động từ các cơ quan Nhà nước.* Để các ngành công nghiệp văn hóa tăng trưởng và tạo ra giá trị gia tăng cho Việt Nam, Nhà nước và các đơn vị có liên quan cần phải có cam kết mạnh mẽ và tầm nhìn, đặc biệt cần tiến hành đổi mới đầu tư, hoàn thiện thể chế, bộ máy và phát triển nguồn nhân lực với kỹ năng và kiến thức phù hợp để đạt được những ưu thế cạnh tranh mới.

- *Thiếu hụt trong giáo dục sáng tạo và khoảng trống nghiêm trọng về kỹ năng chuyên môn ở khắp các ngành công nghiệp văn hóa.* Việt Nam sở hữu rất nhiều tài năng, nhưng lại thiếu hụt các điều kiện để tài năng phát triển. Thiếu

sự hỗ trợ chiến lược trong hoạt động đào tạo, phát triển chuyên môn và xây dựng tinh thần doanh nghiệp, các ngành công nghiệp văn hóa sẽ không thể phát triển xứng đáng với tiềm năng sẵn có của nó. Thêm nữa, nhiều quy định hành chính về quản lý văn hóa theo phong cách quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp, trên thực tế đã không kích thích được tự do sáng tạo, làm ảnh hưởng đến sự tăng trưởng và cạnh tranh lâu dài.

- *Thiếu hụt các mạng lưới liên kết, phối hợp giữa các lĩnh vực và mức độ phát triển của thị trường lao động còn thấp.* Các ngành công nghiệp văn hóa cần có các mạng lưới chuyên môn mạnh mẽ, thúc đẩy các yếu tố thương mại trong văn hóa, xây dựng các mối liên kết trong chuỗi giá trị và tăng cường đổi mới. Việt Nam có nhu cầu thực sự lớn trong việc thiết lập các mối quan hệ hợp tác hiệu quả cùng có lợi, ví dụ như việc các trường đại học cần cộng tác làm việc với các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực công nghiệp văn hóa để đảm bảo cung cấp được một chương trình giáo dục và các kỹ năng sáng tạo nhất quán và đạt tiêu chuẩn, phù hợp nhu cầu thực

tiễn của thị trường ở các cấp. Thêm nữa, thị trường lao động của công nghiệp văn hóa hiện còn trong tình trạng thiếu năng động và linh hoạt. Các hợp đồng lao động ngắn hạn và thù lao dựa trên kết quả công việc có thể góp phần tạo nên sự năng động của thị trường lao động, cũng như niềm tin của các nhà tuyển dụng vào những tài năng trẻ.

- *Thị trường văn hóa nội địa còn yếu.* Các vấn đề nêu trên có tác động tiêu cực lên các yếu tố cung và cầu, tính cạnh tranh, chất lượng và sự phù hợp của các hàng hóa và dịch vụ văn hóa Việt Nam. Thêm nữa, vi phạm bản quyền cộng với thị trường tương đối kém phát triển của các phân ngành công nghiệp văn hóa nhất định đã làm cho các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam phát triển chậm.

- *Tốc độ tăng trưởng kinh tế còn chậm:* Việt Nam đã có những thay đổi lớn lao trong những năm gần đây, cải thiện từng bước về mức sống, sức khỏe và an sinh xã hội. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế đã chậm lại trong khi các nước khác trong khu vực đang đạt được tốc độ tăng trưởng tốt hơn Việt Nam. Điều này có ảnh hưởng đến việc

phát triển các ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam mà ảnh hưởng trực tiếp và dễ nhận thấy nhất là năng lực tiêu dùng, chi trả cho sản phẩm, dịch vụ văn hóa hiện nay cũng như trong những năm sắp tới.

3. Quan điểm và giải pháp phát triển các ngành công nghiệp văn hóa và hoàn thiện thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa

3.1. Quan điểm

- Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa nhằm khai thác và phát huy những tiềm năng văn hóa Việt Nam, phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội và ổn định chính trị của đất nước, khiến cho văn hoá trở thành nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát triển các ngành CNVH Việt Nam trên cơ sở hướng tiếp cận tổng thể và hệ thống, bao gồm nhiều vấn đề tương tác và có mối liên quan mật thiết đến nhau như: nâng cao chất lượng nguồn nhân lực với các kỹ năng toàn diện về kinh doanh, quản trị, năng lực sáng tạo; xây dựng cơ chế tài chính, cơ chế pháp lý, phát triển các chương trình giáo dục, đào tạo và các mạng

lưới làm việc, phát triển công chúng... Các hoạt động này mang tính tổng thể, đòi hỏi sự hợp tác giữa những bộ ngành khác nhau (như văn hóa, công nghiệp, giáo dục, du lịch, hoạch định theo vùng miền,...) và liên quan đến tất cả các đối tác công và tư. Một cách tiếp cận chiến lược tổng thể là cần thiết, bao gồm sự cải tổ trong giáo dục, kỹ năng, hỗ trợ doanh nghiệp, phát triển thương hiệu và thị trường và sự tích hợp với các ngành có liên quan khác.

- Cân đối giữa lợi ích kinh doanh với các mục đích chính trị, văn hóa, giáo dục của văn hóa.

- Nhận thức sự tích hợp ngày càng cao giữa công nghệ, sáng tạo văn hóa và năng lực kinh doanh trong quá trình tạo ra sản phẩm, dịch vụ văn hóa.

- Tiến hành cải cách văn hóa, chọn lọc tinh hoa văn hóa truyền thống, đồng thời phải kết hợp với thực tiễn mới và yêu cầu thời đại, làm văn hóa theo sát sự chuyển đổi của thực tế đời sống, nhu cầu của quần chúng nhân dân, khơi dậy sức sáng tạo văn hóa của mọi thành viên trong xã hội, thúc đẩy sự kết hợp lẫn nhau giữa phát triển văn hóa dân tộc với tiếp thu văn hóa ưu tú thế giới.

- Phát triển các ngành công nghiệp

văn hóa theo hướng chuyên nghiệp, có tính chuyên môn hóa cao và đồng bộ, theo đúng theo quy luật phát triển của công nghiệp văn hóa thế giới.

- Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa dựa trên đặc thù tình hình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở các vùng miền, các địa phương khác nhau để những mục tiêu với các “điểm nhấn” khác nhau khi phát triển các ngành công nghiệp văn hóa

- Các ngành công nghiệp văn hóa nội địa được khuyến khích xuất khẩu sản phẩm văn hóa ra các thị trường nước ngoài, góp phần đưa thông điệp văn hóa Việt Nam, quảng bá văn hóa quốc gia, đưa thương hiệu Việt Nam ra với thế giới, chống lại những quyền lực xâm lược hay thôn tính về văn hóa

- Hội nhập để học tập kinh nghiệm quốc tế, hợp tác sản xuất, cung ứng các sản phẩm - dịch vụ văn hóa Việt Nam.

3.2. Giải pháp

3.2.1. Giải pháp về chính sách

- Nâng cao nhận thức của toàn xã hội về công nghiệp văn hóa như một lĩnh vực quan trọng cho phát triển đất nước.

- *Xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho các cá nhân sáng tạo phát huy khả năng;*

- *Xây dựng cơ chế hợp tác về công nghiệp văn hóa giữa các tổ chức văn hóa nghệ thuật ở Việt Nam và các nước trên thế giới.*

- Xây dựng hệ thống chính sách để huy động nguồn lực xã hội cho văn hóa, đặc biệt thúc đẩy vai trò của các doanh nghiệp tư nhân cho văn hóa và sự hợp tác, đối tác giữa Nhà nước với các thành phần xã hội cho sự phát triển của công nghiệp văn hóa.

- Thúc đẩy các mô hình đầu tư hỗn hợp trong các ngành công nghiệp văn hóa.

- Xây dựng chính sách ưu đãi thuế, ưu đãi tín dụng, qui hoạch sử dụng đất trong một số ngành công nghiệp văn hóa.

- Xây dựng các chính sách nhằm thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm văn hóa.

- Đánh giá các quy định về quyền sở hữu trí tuệ, liên hệ các quy định này đến từng ngành công nghiệp văn hóa, ý thức thực thi quyền tác giả và quyền liên quan.

3.2.2. Giải pháp về quảng bá, truyền thông

- Lựa chọn và thiết lập thương hiệu quốc gia về công nghiệp văn hóa để quảng bá cho các ngành công nghiệp

văn hóa Việt Nam trên toàn quốc và trên thế giới.

- Tăng cường số hóa nhằm thúc đẩy cơ hội tiếp cận thị trường, hợp tác giữa các ngành công nghiệp văn hóa trong nước và trên thế giới.

- Tổ chức, tham gia các sự kiện, hội chợ thương mại quốc tế quan trọng nhằm xây dựng nên một thương hiệu tổng thể cho các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam và tạo ra các cơ hội trao đổi văn hóa và thương mại mới;

- Giới thiệu về công việc và nghề nghiệp trong các ngành công nghiệp văn hóa cho giới trẻ, nhằm quảng bá về ngành công nghiệp văn hóa như một lĩnh vực chuyên môn bền vững và được xã hội công nhận.

3.2.3. Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực

- Đưa giáo dục sáng tạo phát triển sâu rộng ở cấp tiểu học để khuyến khích trẻ em khám phá trí tưởng tượng, bản sắc truyền thống và đương đại, và thực hành nghệ thuật thông qua tương tác trực tiếp với các nghệ sĩ chuyên nghiệp.

- Nâng cao chuyên môn và phương pháp giảng dạy cho giảng viên nghệ thuật nhằm tăng cường hiệu quả truyền đạt hoạt động sáng tạo.

- Tuyển chọn các tài năng sáng tạo để đưa đi đào tạo tại các nước có các ngành công nghiệp văn hóa phát triển.

- Thực hiện chế độ đãi ngộ đặc biệt để thu hút nhân lực chất lượng cao, được đào tạo bài bản, có kinh nghiệm chuyên môn từ các nước có trình độ phát triển cao về ngành công nghiệp văn hóa đến Việt Nam làm việc.

- Thiết lập một chương trình chuyên về giáo dục sáng tạo trong ngành văn hóa: các thiết chế văn hóa công lập thành lập các nhóm giáo dục sáng tạo và triển khai được các hoạt động giáo dục sáng tạo dành cho công chúng, hỗ trợ các nghệ sĩ chuyên nghiệp phát triển kỹ năng giảng dạy để có thể làm việc hiệu quả trong trường học và các môi trường giáo dục khác.

- Thiết lập các chương trình đào tạo về công nghiệp văn hóa phù hợp tại các trường cao đẳng và đại học bao gồm phát triển các kiến thức, kỹ năng toàn diện và liên ngành về nghệ thuật, kinh doanh, quản lý và công nghệ, và quyền tác giả và các quyền liên quan.

- Thực hiện các chương trình thúc đẩy kinh doanh với các mục tiêu cụ thể, như hỗ trợ các tài năng sáng tạo phát triển doanh nghiệp và tiếp cận

đến các công việc về sáng tạo.

- Nâng cao năng lực chuyên môn, cải thiện kỹ năng quản lý, kỹ năng kinh doanh và hiểu biết về quyền tác giả và quyền liên quan của các nhà quản lý văn hóa thông qua các chương trình phát triển chuyên môn được cấp chứng chỉ.

- Nâng cao khả năng sử dụng kỹ thuật số ở trong ngành thông qua các chương trình nâng cao năng lực và kỹ năng phù hợp.

- Áp dụng đào tạo quản lý và đào tạo kinh doanh cho những ngành nghề truyền thống, ví dụ cho thủ công mỹ nghệ, để thúc đẩy tiềm năng kinh tế từ văn hóa tại các vùng nông thôn và phù hợp với thị trường hơn.

- Đảm bảo nhu cầu tập trung vào các cộng đồng thiểu số và phụ nữ để có thể hỗ trợ tất cả các nhân tố tài năng trong công nghiệp văn hóa.

- Tổ chức các chương trình kết nối với các bên liên quan trong ngành để thúc đẩy trao đổi kiến thức và nâng cao năng lực chuyên môn, qua đó xây dựng được một cộng đồng chuyên nghiệp cho các ngành công nghiệp văn hóa.

3.2.4. Giải pháp về tổ chức

- Đảm bảo sự phối hợp ở mọi lĩnh vực: văn hóa, kinh tế, xã hội, giáo dục

cũng như với các chương trình phát triển văn hóa, kinh tế, xã hội quan trọng khác, nhằm định vị và xác lập các ngành công nghiệp văn hóa như một chương trình nghị sự trọng điểm trong phát triển của tất cả bộ, ngành với tầm nhìn đến năm 2030.

- Thành lập nhóm chuyên trách về phát triển công nghiệp văn hóa có trách nhiệm thúc đẩy tiến triển thực hiện chiến lược, tăng cường các mối quan hệ hợp tác và thực hiện các hoạt động về phát triển ngành. Trách nhiệm của nhóm chuyên trách bao gồm tiến hành nghiên cứu, thúc đẩy hợp tác, tìm kiếm cơ hội thu hút đầu tư, và triển khai các dự án thí điểm, giới thiệu, triển lãm và quảng bá cho các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam. Nhóm chuyên trách có trách nhiệm báo cáo lên Ban chỉ đạo Quốc gia về Công nghiệp văn hóa Việt Nam.

- Xây dựng, phát triển các sáng kiến và mô hình hỗ trợ cho sự phát triển của văn hóa và kết nối, huy động các nguồn lực, ví dụ như mô hình Doanh nghiệp và Nghệ thuật, Mô hình Gây Quỹ Cộng đồng... phát huy vai trò giáo dục của các đơn vị, tổ chức văn hóa nhằm phát triển công chúng/người

tiêu dùng tương lai có đủ năng lực hiểu biết, cảm thụ các sản phẩm văn hóa có chất lượng cao.

3.2.5. Giải pháp về huy động nguồn lực tài chính

- Đưa ra các hình thức ưu đãi ban đầu cho hoạt động của các tổ hợp sáng tạo của công nghiệp văn hóa trong đó bao gồm không gian làm việc và biểu diễn, không gian trao đổi học tập và không gian trưng bày/triển lãm..., để khuyến khích các tổ hợp sáng tạo đang hình thành.

- Xây dựng một hệ thống phân loại nội dung của sản phẩm văn hóa rõ ràng để tạo điều kiện thuận lợi các nhà đầu tư tham khảo.

- Xây dựng các cơ hội ưu đãi thuế đối với đầu tư cho công nghiệp văn hóa, đặc biệt trong các lĩnh vực đầu tư trong nội dung số, điện ảnh và truyền thông.

- Thực hiện các sáng kiến về xuất khẩu sản phẩm và dịch vụ văn hóa, mở rộng trao đổi văn hóa với quốc tế và xây dựng thị phần cho công nghiệp văn hóa Việt Nam.

- Xem xét và đánh giá lại các hiệp định thương mại quốc tế và các luật liên quan để cải thiện các điều kiện về kinh doanh văn hóa và giảm chi phí

đối với thiết bị nhập khẩu có tầm quan trọng lớn cho sản xuất trong công nghiệp văn hóa.

- Thử nghiệm và vận hành những mô hình đầu tư mới cho công nghiệp văn hóa, bao gồm các cơ hội cho tổ chức văn hóa có thể đa dạng hóa nguồn thu, kinh doanh và tiếp cận những loại hình tài chính khác nhau (bao gồm các khoản cho vay), và tham gia vào hợp tác công – tư, vào việc kinh doanh hay các dự án chung (gồm dự án với các tổ chức văn hóa và doanh nghiệp hàng đầu trên thế giới).

Kết luận

Như vậy, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa hiện nay thực sự cần thiết, giúp Việt Nam tái cơ cấu mô hình tăng trưởng, tạo ra những sản phẩm - dịch vụ văn hóa có tính cạnh tranh cao, tạo thêm công ăn việc làm ổn định, đóng góp tích cực cho nền kinh tế. Đây cũng là chiến lược để xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong bối cảnh nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự đổi mới của hàng hóa - dịch vụ văn hóa Việt Nam trên thị trường nội địa và quốc tế chính là sức mạnh mềm văn hóa quan trọng của

quốc gia, làm cho văn hóa thấm sâu vào đời sống người dân, cũng như mang thông điệp Việt Nam ra với thế giới, phát huy nội lực, quảng bá đất nước. Trong thời đại của kinh tế tri thức và công nghệ thông tin, công nghiệp văn hóa có khả năng biến văn hóa trở thành bộ phận quan trọng của

thương mại và cạnh tranh quốc tế, giúp Việt Nam xây dựng được một nền kinh tế sáng tạo, thịnh vượng, tự tin và độc đáo. Chính vì vậy, đã đến lúc Việt Nam cần nhập cuộc với xu thế thời đại, vươn lên nắm lấy vị trí của một quốc gia có các ngành công nghiệp văn hóa phát triển ■

¹ Cơ sở hoạt động liên quan đến các ngành công nghiệp văn hóa bao gồm: doanh nghiệp, cơ sở kinh tế cá thể, đơn vị sự nghiệp có liên quan đến các ngành công nghiệp văn hóa.

² Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2023): *Báo cáo trung tâm về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam*.

³ Kết quả phân tích từ số liệu do Trung tâm TVDVTK cung cấp.

⁴ Nguồn: Cục Điện ảnh.

^{5, 6, 7} Nguồn: Cục Du lịch quốc gia Việt Nam.

^{8, 9, 10, 12, 13, 14, 17, 18} Kết quả phân tích từ số liệu do Trung tâm TVDVTK cung cấp.

¹¹ Nguồn: Statista.

15 Cả nước có 72 cơ quan hoạt động phát thanh (báo nói), truyền hình (báo hình) (gọi tắt là Đài PTTH), gồm: 02 Đài quốc gia (VOV và VTV), 64 Đài PTTH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, 01 Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC trực thuộc Đài VOV và 05 đơn vị hoạt động truyền hình (Báo Nhân dân, QHVN, ANTV, VNNews, PTTH Quân Đội) (nguồn: Bộ TT&TT).

¹⁶ Nguồn: Bộ TT&TT.

¹⁹ Kim ngạch xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ Việt Nam từ 2015-2022 tăng trung bình 9,5%/năm, cứ 1 triệu USD xuất khẩu mang lại lợi nhuận gấp 5-10 lần (nguồn: Hiệp hội Xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ Việt Nam).

ĐẤU TRANH CHỐNG SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG, NHỮNG BIỂU HIỆN "TỰ DIỄN BIẾN", "TỰ CHUYỂN HÓA" TRONG NỘI BỘ ĐỂ XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

● TS NGUYỄN VĂN HÙNG

Hội đồng Lý luận Trung ương

Đại hội XIII của Đảng đã xác định: Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị; đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Tại Hội nghị Trung ương 4, khóa XIII đã ban hành Kết luận số 21-KL/TW về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên sự suy thoái

về chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" và Quy định số 37-QĐ/TW về những điều đảng viên không được làm đã và đang tạo được những chuyển biến tích cực trong toàn Đảng và hệ thống chính trị, tạo niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng thực hiện công cuộc đổi mới đồng bộ, toàn diện, xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Quá trình nhận thức, nhận diện những biểu hiện suy thoái, tự phê bình và phê bình đã góp phần đấu tranh với



Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội đồng Lý luận Trung ương, Tạp chí Cộng sản, Báo Nhân dân, Đài Truyền hình Việt Nam và Hội nhà báo Việt Nam tổ chức họp báo phát động cuộc thi chính luận Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng lần thứ 4, năm 2024.

những suy nghĩ và hành vi sai trái, biểu hiện suy thoái nhằm cảnh tỉnh, răn đe, cảnh báo, từng bước ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, nhất là từng bước đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực. Nhiều vụ án tham nhũng nghiêm trọng, phức tạp đã được phát hiện và tập trung chỉ đạo điều tra, truy tố, xét xử nghiêm minh, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, dù người đó là ai, được nhân dân đồng tình ủng hộ mạnh mẽ.

Công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” đã đạt được một số kết quả bước đầu; tích cực đấu tranh phòng, chống “diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch, phản động, của những người cơ hội chính trị. Có thể khẳng định rằng, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn từng bước đẩy lùi suy thoái đã đạt được nhiều kết quả tích cực; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng không ngừng được nâng cao;

phương thức lãnh đạo của Đảng từng bước được đổi mới; vai trò lãnh đạo của Đảng được giữ vững, niềm tin của nhân dân với Đảng được củng cố; đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp chiến lược đã có bước trưởng thành và tiến bộ về nhiều mặt. Đa số cán bộ, đảng viên có ý thức rèn luyện, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, có ý chí, bản lĩnh, có ý thức phục vụ nhân dân, được nhân dân tin tưởng, đồng tình, ủng hộ. Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đang ra sức phấn đấu thực hiện khát vọng phát triển, đổi mới sáng tạo, xây dựng một nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, nhận thức và thực tiễn trong công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ vẫn còn những hạn chế, bất cập, đang đặt ra nhiều vấn đề cần được nghiên cứu một cách khoa học và có phương pháp giải quyết phù hợp với thực tiễn, góp phần quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

1. Nhận thức lý luận về đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ

Thứ nhất, việc ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ, thời gian tới có phạm vi rộng hơn, toàn diện hơn, không chỉ trong nội bộ Đảng mà còn mở rộng ra cả hệ thống chính trị. Phạm vi, đối tượng thực hiện không chỉ đối với cán bộ, đảng viên trong Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc mà cả những đoàn viên, hội viên trong các tổ chức chính trị - xã hội, trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại, hội nhập quốc tế của đất nước trong tình hình mới.

Thứ hai, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ không chỉ về chính trị, tư tưởng, đạo đức mà còn cả lĩnh vực tổ chức và cán bộ. Đổi mới công tác đánh giá cán bộ; coi trọng cả đức và tài, trong đó đức là gốc; vừa đào tạo, bồi dưỡng trong trường lớp vừa

rèn luyện, thử thách trong thực tiễn, nhất là ở những địa bàn, lĩnh vực khó khăn, gian khổ; kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa số lượng, chất lượng và cơ cấu, giữa tính phổ biến và tính đặc thù phù hợp với từng chức danh, nhiệm vụ của cán bộ được giao. Chú trọng việc tự tu dưỡng rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên trong cuộc sống và công tác.

Thứ ba, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình trong Đảng. Coi trọng việc thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, chức vụ càng cao, càng phải nêu gương. Nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các chuẩn mực đạo đức cách mạng cho phù hợp với điều kiện mới và truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt Nam; nâng cao ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng suốt đời và nêu cao danh dự, lòng tự trọng của người đảng viên cộng sản.

Thứ tư, mỗi cán bộ đảng viên, đoàn viên, hội viên cần phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhận thức đầy đủ, sâu sắc bản chất nền dân chủ xã hội chủ nghĩa - dân chủ thực chất, dân chủ

được thể hiện trong thực tế để xây dựng môi trường dân chủ trong Đảng và trong xã hội, thực hành và phát huy dân chủ đi đôi với giữ gìn kỷ luật, kỷ cương xã hội.

Thứ năm, tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; chủ động phòng, chống “diễn biến hòa bình”, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, những thông tin xấu, độc, xuyên tạc trên Internet, mạng xã hội. Phát huy sức mạnh tổng hợp, tạo nên hiệu quả thiết thực trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Một số vấn đề đặt ra trong thực tiễn đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ

Một là, việc nhận thức nhận diện 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, nhất là 9 biểu hiện sự suy thoái về đạo đức, lối

sống của cá nhân đảng viên vẫn còn lúng túng, chưa thật rõ, chưa sát thực tiễn, còn rập khuôn, thiếu tính khả thi, nhất là trong việc xác định, lựa chọn các vấn đề trọng tâm, nổi cộm để giải quyết trong từng trường hợp, đối tượng cụ thể. Chưa xây dựng được hệ giá trị chuẩn mực đạo đức theo tinh thần “Đảng ta là đạo đức, là văn minh” cho phù hợp với truyền thống văn hoá của dân tộc Việt Nam và trong điều kiện mới hội nhập quốc tế, làm cơ sở cho cán bộ, đảng viên tự tu dưỡng, rèn luyện và ứng xử trong công tác và cuộc sống. Công tác giáo dục, bồi dưỡng về đạo đức công vụ chưa được chú trọng trong các cơ sở, đơn vị đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị.

Hai là, công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa thường xuyên, thiếu kiên quyết, quyết liệt; việc giám sát, kiểm tra, nhận diện, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ còn hạn chế, nhất là việc đánh giá kết quả, xác định trách nhiệm cá nhân thực hiện cam kết, kế hoạch hành

động của từng đảng viên trong khắc phục khuyết điểm của hậu kiểm điểm còn thiếu cụ thể, kéo dài, chung chung, thiếu tính thuyết phục; vẫn còn tình trạng coi vấn đề diễn biến tư tưởng xảy ra ở đâu đó, chú không phải trong cơ quan, đơn vị mình, địa phương mình, đồng chí mình mà chưa có biện pháp khắc phục.

Ba là, chất lượng sinh hoạt chi bộ còn rất hạn chế, nội dung sinh hoạt đảng nhiều nơi còn hình thức, chất lượng thấp; việc đưa nội dung học tập, quán triệt, tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, Chỉ thị 05, Quy định nêu gương, Quy định về tu dưỡng rèn luyện đạo đức, lối sống vào sinh hoạt chi bộ hàng tháng có nhiều nơi vẫn còn hình thức, hiệu quả thấp. Nhiều tổ chức đảng, đảng viên còn hạn chế trong nhận thức, lơ là, mất cảnh giác, lúng túng trong nhận diện và đấu tranh, ngăn chặn “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; việc đấu tranh, phê phán, phản bác những quan điểm sai trái, thù địch, để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, nhất là trên môi trường mạng internet, mạng xã hội còn nhiều khó khăn, bất cập, thiếu đồng bộ trong phối hợp lực lượng,

thiếu công cụ sắc bén, kỹ thuật công nghệ hiện đại, thông minh để ngăn chặn, xóa bỏ các thông tin xấu độc làm ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Bốn là, một số cán bộ, đảng viên nhận thức và thực hành công tác kiểm điểm tự phê bình và phê bình với bản thân mình, đồng chí mình, đồng nghiệp thiếu sâu sắc, còn biểu hiện né tránh, nể nang, dĩ hòa vi quý, ngại va chạm, nhất là việc nêu gương của cán bộ chủ chốt, người đứng đầu ở các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị chưa nghiêm, thiếu tự giác nhận khuyết điểm và trách nhiệm trong công việc của mình được giao, còn hiện tượng vi phạm phẩm chất đạo đức, lối sống phải kỷ luật; hiện tượng đảng viên bỏ sinh hoạt, xin ra khỏi đảng có dấu hiệu gia tăng (như đảng viên sau khi xuất ngũ về địa phương, đảng viên về hưu, đảng viên đi làm ăn xa gia đình, xa nơi cư trú...).

Năm là, vấn đề sắp xếp tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị ở một số bộ, ngành, địa phương thiếu đồng bộ, bất cập, hiện tượng nhập vào rồi lại tách ra đang diễn ra, gây tâm lý xấu, bất bình trong cán bộ, đảng viên

và nhân dân. Việc bố trí một số cán bộ chủ chốt ở một số ban, bộ, ngành, địa phương còn lúng túng, khó khăn; vẫn còn tình trạng bổ nhiệm sai, có trường hợp vừa mới được bầu vào cấp ủy các cấp, đại biểu hội đồng nhân dân các cấp của nhiệm kỳ mới..., đã bị xử lý kỷ luật đều liên quan đến những biểu hiện của sự suy thoái, tham nhũng, tiêu cực. Việc phân định thẩm quyền, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của người đứng đầu với tập thể cấp ủy, lãnh đạo cơ quan đơn vị chưa rõ ràng. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có nơi còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng trên một số lĩnh vực liên quan đến đất đai, bất động sản, tài chính, đầu tư công, xây dựng cơ bản, y tế, giáo dục... biểu hiện của “lợi ích nhóm”, “tham nhũng chính sách” tập trung vào số đảng viên có chức vụ, quyền hành trong bộ máy nhà nước cấu kết với các thế lực làm ăn bất chính, hối lộ, rửa tiền... gây bức xúc trong nhân dân.

Những vấn đề nêu trên có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan.

(1) *Nguyên nhân khách quan*: Từ mặt trái của kinh tế thị trường, trong điều kiện của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CM 4.0) đã xuất hiện những hoạt động lợi dụng sự phát triển của khoa học công nghệ thông tin, mạng internet, mạng xã hội, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng. Nhiều vấn đề mới, phức tạp nảy sinh từ thực tiễn chưa được lý giải một cách có cơ sở khoa học, khách quan và chưa được xử lý kịp thời, hiệu quả. Hơn nữa các thế lực thù địch, phản động thường xuyên đẩy mạnh thực hiện chiến lược công kích trên mặt trận tư tưởng, lợi dụng triệt để vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, “dân tộc, tôn giáo” và những yếu kém, sơ hở, mất cảnh giác của ta để xuyên tạc, bóp méo tình hình, tạo nên “điểm nóng”, phức tạp; đồng thời, chúng còn ra sức cấu kết với các phần tử cơ hội, bất mãn chính trị hoạt động ráo riết, chống phá Đảng, Nhà nước và cuộc sống của nhân dân ta ngày càng tinh vi, xảo quyệt với nhiều thủ đoạn thâm độc, nguy hiểm nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chia rẽ giữa nhân dân với Đảng.

(2) *Nguyên nhân chủ quan*: Tình trạng suy thoái ở một bộ phận cán bộ,

đảng viên vẫn còn diễn biến hết sức phức tạp, trước hết là do bản thân cán bộ, đảng viên đó không tu dưỡng, rèn luyện về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; lập trường tư tưởng không vững vàng, hoang mang, giao động trước những tác động từ bên ngoài; sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, hẹp hòi, bị cám dỗ bởi các lợi ích vật chất, có lối sống buông thả, thoái hoá, coi thường kỷ luật, kỷ cương. Chưa thật sự đổi mới công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên; chưa tạo được sự thống nhất cao trong nhận thức về tình trạng suy thoái, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” và hậu quả gây ra. Sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ ở nhiều nơi hình thức, đơn điệu, thiếu tính chiến đấu. Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu các cấp quyết tâm chính trị chưa cao, chưa kiên trì và kiên quyết trong đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái; một số cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, trong đó có cả cán bộ cao cấp thiếu tiên phong, gương mẫu, nêu gương trước cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về xây dựng Đảng chưa có chiều sâu, không theo kịp tình

hình thực tế, nhiều vấn đề mới, khó chưa được nghiên cứu làm sáng tỏ. Chưa chú trọng xây dựng, tuyên truyền, cổ vũ, nhân rộng những mô hình, điển hình tiên tiến, lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực. Công tác quản lý cán bộ, đảng viên ở một số nơi còn thiếu chặt chẽ. Nguyên tắc tập trung dân chủ ở nhiều nơi bị buông lỏng; nguyên tắc tự phê bình và phê bình thực hiện không nghiêm, chưa có cơ chế để bảo vệ người dám đấu tranh phê bình; chưa xây dựng được cơ chế “dựa vào dân để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”.

II. Đề xuất quan điểm, nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu để đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến, tự chuyển hoá” trong nội bộ thời gian tới

1. Bối cảnh tình hình

Trong những năm tới, tình hình thế giới tiếp tục có những diễn biến rất nhanh, phức tạp, khó lường. Sau 38 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, vị thế, sức mạnh tổng hợp và uy tín trên trường quốc tế được nâng lên. Tuy nhiên, sự

nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức: Bốn nguy cơ mà Đảng đã chỉ ra vẫn còn tồn tại, có mặt ngay gần hơn; các mối đe dọa độc lập, chủ quyền, lợi ích chiến lược của đất nước, nhất là trên Biển Đông. Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư tác động mạnh mẽ đến các lĩnh vực đời sống, kinh tế, xã hội. Các vấn đề an ninh phi truyền thống, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, hậu đại dịch COVID-19..., vẫn đang diễn biến hết sức phức tạp gây khó khăn, ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của nhân dân; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ; sự chống, phá quyết liệt của các thế lực thù địch, các tổ chức phản động, những người có quan điểm tiêu cực, chống đối, xuyên tạc lịch sử, hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng, bôi nhọ, hạ thấp uy tín, danh dự của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước; chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc nhằm làm giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Tình hình trên đây đã và đang tác động mạnh, nhiều chiều đến công tác

xây dựng, chỉnh đốn Đảng và công tác đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ cần được quan tâm thường xuyên, liên tục, không ngừng, không nghỉ để bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

2. Về quan điểm

Thứ nhất, kiên quyết, kiên trì với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn; phát huy sự chủ động, sáng tạo và sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ là vấn đề cơ bản, cốt lõi trong xây dựng và phát triển đất nước, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện một cách quyết liệt, đồng bộ, thường xuyên về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ là nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; thường xuyên đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả sự suy

thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ và hệ thống chính trị.

Thứ ba, phải kết hợp tốt giữa “xây” và “chống”, trong đó “xây” là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài và có ý nghĩa quyết định; “chống” là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách. Chủ động, tích cực bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết đấu tranh với các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, phản động, các phần tử cơ hội, bất mãn chính trị.

Thứ tư, tăng cường sự lãnh đạo và đoàn kết, thống nhất trong Đảng, vai trò nêu gương của cán bộ, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy và Ban Thường vụ cấp ủy các cấp. Thực hành dân chủ và phát huy dân chủ đi đôi với giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tự phê bình và phê bình; kỷ cương, kỷ luật của Đảng; chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực trong toàn bộ hệ thống chính trị.

Thứ năm, tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; ngăn

chặn, đẩy lùi có hiệu quả sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ cần phải được thực hiện thường xuyên, đồng bộ, có hiệu quả các công cụ và biện pháp về chính trị, tư tưởng, tổ chức, hành chính, kiểm tra, giám sát, pháp luật và công nghệ.

3. Về nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu để đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ

Một là, tiếp tục quán triệt nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về tính tự giác trong nhận diện những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ gắn chặt với việc đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh.

- Thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cấp; cam kết rèn luyện

giữ gìn phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, không “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Nâng cao tính thuyết phục trong giáo dục đạo đức cách mạng, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên thấy rõ bốn phạm, trách nhiệm của mình trước Đảng, trước nhân dân, luôn vững vàng trước khó khăn, thử thách và không bị cám dỗ bởi tiền tài, danh vọng để thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ, luôn giữ gìn phẩm chất đạo đức trong sáng, có lối sống lành mạnh, tiết kiệm, đặt lợi ích chung, lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết, trước hết.

- Khởi dậy ý thức tự giác trong nêu gương; tự giác trong nhận diện những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; thực sự cầu thị trong tự phê bình, “tự soi, tự sửa”; thẳng thắn, chân thành trong phê bình đồng chí, đồng nghiệp, cấp trên với tinh thần xây dựng, trên tinh thần đồng chí; tự giác học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh mỗi ngày; tự giám sát, kiểm tra, tự nhận trách nhiệm, khuyết điểm và hình thức kỷ luật để tích cực khắc phục, sửa chữa.

- Chú trọng nghiên cứu hệ quan điểm lý luận sắc bén để bảo vệ nền tảng

tư tưởng của Đảng; đấu tranh, phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, những phần tử bất mãn, cơ hội chính trị.

- Đổi mới phương pháp, quy định rõ trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, mạng xã hội... để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng, phổ biến pháp luật cho cán bộ, đảng viên; thông tin kịp thời, làm tốt công tác định hướng dư luận. Tập trung đổi mới căn bản, toàn diện công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, cập nhật kiến thức mới cho đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu các cấp.

Hai là, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình công tác kiểm điểm, tự phê bình và phê bình đối với tập thể, cá nhân và đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên gắn với việc nhận diện những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ

- Phát huy dân chủ trong sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt tư tưởng, tạo nên sự đoàn kết, thống nhất trong công tác, nhiệm vụ được giao. Trong công

tác kiểm điểm thì thực hiện cấp trên kiểm điểm trước để làm gương cho cấp dưới; tập thể kiểm điểm trước, cá nhân kiểm điểm sau. Sau kiểm điểm, kết quả kiểm điểm phải được thông báo đến những tập thể đã góp ý kiến trước khi kiểm điểm. Cấp dưới báo cáo kết quả kiểm điểm với cấp trên. Những nơi kiểm điểm không đạt yêu cầu, cấp ủy cấp trên chỉ đạo kiểm điểm lại.

- Thực hiện tự phê bình và phê bình cần khắc phục tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm, dị hoà vi quý; “nói không đi đôi với làm”, “nói nhiều, làm ít”, làm hình thức, đối phó; một số cán bộ, đảng viên, nhất là một bộ phận cán bộ đứng đầu cấp uỷ, chính quyền các cấp còn thiếu gương mẫu, chưa tự giác nhận đúng mức khuyết điểm và trách nhiệm của mình được giao phụ trách.

- Tăng cường công tác xây dựng, củng cố, đánh giá, phân loại tổ chức đảng và đảng viên hàng năm phải được tiến hành thường xuyên, liên tục đảm bảo theo tiêu chí và quy định của điều lệ Đảng. Phải gắn trách nhiệm của cấp uỷ, người đứng đầu với kết quả triển khai thực hiện xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh.

Ba là, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ

- Chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Đổi mới trong công tác nhận xét, đánh giá cán bộ bằng “sản phẩm”, coi kết quả đánh giá cán bộ là tiêu chí quan trọng nhất để thực hiện quy hoạch, điều động, bổ nhiệm cán bộ. Đề bạt, sử dụng người có đức, có tài, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm; kiên quyết không bổ nhiệm và kịp thời điều chuyển, thay thế những cán bộ làm việc kém hiệu quả, không hoàn thành nhiệm vụ, yếu về năng lực, kém về phẩm chất đạo đức, lối sống, tín nhiệm thấp mà không chờ hết nhiệm kỳ, hết tuổi công tác, nhất là người đứng đầu.

- Nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách đối với cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo vì lợi ích phát triển của đất nước. Thực hiện hiệu quả chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài, sử dụng chuyên gia giỏi ở các lĩnh vực,

chú ý quan tâm bồi dưỡng cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số. Tiếp tục thực hiện mô hình một số chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã không phải là người địa phương.

- Tiếp tục đổi mới, kiện toàn và từng bước hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động gắn với nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Nghiên cứu sửa đổi quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức trong toàn bộ hệ thống chính trị.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng chính phủ, chính quyền điện tử gắn với hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công của các bộ ngành, địa phương một cách có hệ thống và đồng bộ, kết nối thông với hệ thống dữ liệu quốc gia. Giảm tối đa thời gian, chi phí thực hiện các thủ tục hành chính. Tăng cường phân cấp, làm rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng địa phương, đơn vị để phục vụ nhân dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn, hiệu quả hơn.

Bốn là, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các các đoàn thể và nhân dân, thật sự dựa vào nhân dân để xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh; phòng, chống, ngăn chặn suy thoái về tư tưởng chính trị đạo đức, lối sống trong Đảng là vấn đề có tính nguyên lý cần được quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc trong toàn Đảng và hệ thống chính trị.

- Chú trọng việc thể chế hoá và thực hiện nghiêm trách nhiệm của Đảng, tổ chức đảng, đảng viên được quy định trong Hiến pháp 2013 và được xác định rõ trong Văn kiện Đại hội XIII: Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình. Các tổ chức đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Đội ngũ cán bộ, đảng viên phải thật sự tin dân, trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân, có trách nhiệm với dân. Chú trọng việc thể chế hoá nguyên tắc “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” và thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, giám sát, dân thụ hưởng”.

- Xây dựng cơ chế dựa vào dân để xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh: Cơ chế để nhân dân tiến cử những người có đủ đức, tài vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Có hình thức thích hợp, lấy ý kiến góp ý của nhân dân trước khi bổ nhiệm cán bộ. Phát huy vai trò của nhân dân trong việc giám sát, đánh giá cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là những người có chức vụ, quyền hạn, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt các cấp. Tiếp tục thực hiện tốt hơn công tác tiếp công dân, tiếp nhận xử lý thông tin và các khiếu nại, tố cáo của cán bộ đảng viên và nhân dân liên quan đến công tác cán bộ; đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; chống cửa quyền, hách dịch, thiếu trách nhiệm với nhân dân.

- Thực hiện có hiệu quả hơn Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Xây dựng chế độ công tác, quy trình ban hành quyết định của Đảng, Nhà nước, trong đó quy định rõ vai trò của Mặt trận Tổ quốc các cấp. Mặt trận Tổ quốc các cấp có nhiệm vụ chủ trì phản biện công khai đối với các quyết sách liên quan đến lợi ích thiết

thực, chính đảng của nhân dân. Phải có cơ chế tạo điều kiện để nhân dân có thể tham gia ngay từ đầu quá trình xây dựng chính sách, giám sát quá trình thực hiện chính sách, xây dựng và giám sát cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ được giao trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách cho nhân dân. Tăng cường giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên trong công tác và cuộc sống.

- Tiếp tục đổi mới và thực hiện nghiêm quy định người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền các cấp tiếp dân, đối thoại, tự phê bình và phê bình, kiểm điểm thực hiện chức trách trước nhân dân. Xây dựng cơ chế khuyến khích, bảo vệ, tôn vinh người phát hiện, tố giác và tích cực đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đấu tranh bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Năm là, tiếp tục đổi mới nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, sức chiến đấu của các tổ chức đảng và đảng viên trong toàn Đảng và hệ thống chính trị để ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ.

- Tăng cường công tác tư tưởng, công tác tuyên truyền, tổ chức thực hiện Nghị quyết, tạo sự đoàn kết, đồng thuận, ủng hộ, đề cao cảnh giác của cán bộ, đảng viên và nhân dân; lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp các lực lượng, chủ động trên mọi phương diện tấn công làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, kẻ xấu, cơ hội chính trị chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ ta, để bảo vệ vững chắc Tổ quốc, thành quả cách mạng của nhân dân ta.

- Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng; nâng cao lập trường, bản lĩnh chính trị, trí tuệ, tinh thần trách nhiệm, tính chiến đấu của toàn Đảng và mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp chiến lược. Cần xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng sinh hoạt chi bộ; phát hiện và nhân rộng những tấm gương điển hình, tiên tiến. Thực hiện việc giao duyệt các chỉ tiêu về bồi dưỡng quần chúng ưu tú, tạo nguồn phát triển đảng viên. Giao chỉ tiêu kết nạp đảng viên mới, coi đây là chỉ tiêu đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Tập trung lãnh đạo phát triển tổ chức đảng, đoàn thể ở các doanh nghiệp,

nhất là các doanh nghiệp có công nghệ cao, trong đó quan tâm phát triển đảng viên là công nhân, các chủ doanh nghiệp để từng bước thành lập được tổ chức đảng trong doanh nghiệp.

- Đổi mới, hoàn thiện, quản lý chặt chẽ quy trình công tác cán bộ, trọng tâm là *khâu đánh giá cán bộ*. Trong toàn bộ quy trình công tác cán bộ, đánh giá cán bộ là khâu đặc biệt quan trọng; đánh giá đúng thì quy hoạch chính xác, bố trí đề bạt, sử dụng cán bộ đúng; đánh giá sai sẽ dẫn đến hậu quả lớn, khôn lường. Cần tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng đánh giá cán bộ theo hướng: Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm cụ thể của cán bộ; mở rộng diện tham gia đánh giá, các kênh đánh giá cán bộ, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và vai trò của nhân dân; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, sâu sát, chính xác trong quá trình đánh giá cán bộ. Xây dựng quy định đánh giá cán bộ theo hướng xuyên suốt, tích cực, đa chiều theo tiêu chí cụ thể bằng sản phẩm, hiệu quả công việc; công khai kết quả và so sánh với các chức danh tương đương, gắn đánh giá cá nhân với tập thể và kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

Sáu là, tăng cường và đổi mới mạnh mẽ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; công tác bảo vệ chính trị nội bộ; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; kiểm soát chặt chẽ quyền lực cán bộ, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên

- Tập trung kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt ở những lĩnh vực, địa bàn, vị trí công tác dễ xảy ra tiêu cực, nơi người dân có nhiều bức xúc, dư luận xã hội quan tâm; xử lý kịp thời, kiên quyết, nghiêm minh các tổ chức đảng, đảng viên vi phạm. Thực hiện nghiêm Quy định 205-QĐ/TW, ngày 23/9/2019 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền. Phát huy vai trò nêu gương sáng trong tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương

- Kết hợp chặt chẽ và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán nhà

nước và điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Hàng năm xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra công vụ các cơ quan, đơn vị, các ngành, các địa phương để nâng cao ý thức, trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ và nội quy, quy chế, quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Kết hợp kiểm tra, giám sát thường xuyên với kiểm tra, giám sát theo chuyên đề, kiểm tra đột xuất và kiểm tra dấu hiệu vi phạm; coi trọng

công tác tự kiểm tra, tự giám sát của các cấp uỷ, tổ chức đảng để kịp thời ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ từ sớm, từ xa để bảo vệ cán bộ, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, làm cho nhân dân thật sự tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới đồng bộ, toàn diện, xây dựng và phát triển đất nước ta ngày càng giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc ■

Tài liệu tham khảo:

1. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. ĐCSVN: Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khoá XII, ngày 30 tháng 12 năm 2016.
3. ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.I, t.II, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
4. Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII.
5. ĐCSVN: Quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 Quy định về những điều đảng viên không được làm, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
6. Quy định số 213-QĐ/TW ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị về “Trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú”.
7. Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về “Kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán”.

KỶ HỌP THỨ CHÍN

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

Ngày 2/5, tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức Kỳ họp thứ chín nhiệm kỳ 2021-2026 cho ý kiến vào Dự thảo Báo cáo “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua 50 năm đất nước thống nhất (1975-2025), góp phần hoàn thiện lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”.

Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh dự và chủ trì Kỳ họp.

Phát biểu khai mạc Kỳ họp, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương Nguyễn Xuân Thắng cho biết, nội dung của Kỳ họp thứ 9 tập trung thảo luận, góp ý kiến vào Dự thảo Báo cáo tổng kết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua 50 năm đất nước thống nhất (1975-2025), góp phần hoàn thiện lý luận về chủ nghĩa xã hội và

con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, góp phần cung cấp những căn cứ lý luận và thực tiễn phục vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong lãnh đạo, chỉ đạo và chuẩn bị xây dựng Văn kiện Đại hội XIV của Đảng.

Sau phát biểu khai mạc và nghe trình bày tóm tắt Dự thảo Báo cáo, các đại biểu đã tập trung thảo luận sâu, nhấn mạnh, bổ sung một số nội dung về các vấn đề trọng tâm trong Dự thảo gồm: bối cảnh thế giới và trong nước qua 50 năm đất nước thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội cùng những tác động đến sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; về một số vấn đề lý luận và thực tiễn chủ yếu qua 50 năm đất nước thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội. Các đại biểu cũng cho ý kiến về nội dung: thời cơ, thách thức và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục làm rõ về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong thời

gian tới, góp phần hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Các đại biểu cũng cho ý kiến về 5 bài học kinh nghiệm khái quát từ thực tiễn 50 năm đất nước thống nhất gồm: kiên định các mục tiêu đã chọn; lấy dân làm gốc, dân là trung tâm; đảm bảo tính đồng bộ, toàn diện, có bước đi và hình thức thích hợp trong xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế; sự lãnh đạo, cầm quyền đúng đắn của Đảng.

Phát biểu tại Kỳ họp, đồng chí Nguyễn Xuân Thắng đánh giá cao ý thức trách nhiệm, tâm huyết của các đồng chí thành viên Hội đồng, thể hiện qua các ý kiến xác đáng, trí tuệ. Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng nhận định sự kiện thống nhất đất nước đã mở ra một giai đoạn phát triển mới của đất nước ta; đó là cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Ý nghĩa của việc thống nhất đất nước còn được thể hiện qua sự thống nhất toàn diện: về

tư tưởng, ý thức hệ; về đường lối chính sách; về hệ thống kinh tế; về văn hoá-xã hội; về khối đại đoàn kết toàn dân tộc; về người Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài... Qua đó, khẳng định sự lãnh đạo toàn diện, thống nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam; khẳng định mô hình thống nhất của hệ thống chính trị Việt Nam; khẳng định mô hình thống nhất của bộ máy nhà nước Việt Nam; khẳng định sự thống nhất mọi vùng lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam. Đồng thời, cần nhấn mạnh trải qua 50 năm thống nhất đất nước, Việt Nam đang chuẩn bị bước sang một giai đoạn mới, đó là hướng tới kỷ niệm 100 thành lập Đảng; 100 năm thành lập nước.

Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng đề nghị Thường trực Hội đồng chỉ đạo tiếp thu ý kiến của các đại biểu, từ đó, hoàn thiện, nâng cao chất lượng Báo cáo, sớm trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, góp phần chuẩn bị xây dựng Văn kiện Đại hội XIV của Đảng.

Với tinh thần làm việc nghiêm túc, dân chủ, cởi mở, thẳng thắn, Kỳ họp thứ 9 Hội đồng Lý luận Trung ương đã hoàn thành chương trình đề ra ■